

Dec:

NĂM THỨ IV

Số 6

RESEARCH COLLECTIONS
INSTITUTE OF ADVANCED PROJECTS THÁNG 12
EAST-WEST CENTER 2/6/63 1962-63 1961

ĐẠI HỌC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

Martin Heidegger là triết-gia của Hữu-thể hay của Hữu-vô

THÂN-VĂN-TƯỜNG

Biến trình Kịch-nghệ qua các giai-đoạn lịch sử loài người

LÊ-HỮU-KHẢI

Thành-trị-chí của Trịnh-hoài-Đức

TRẦN-KINH-HÒA

Một phương-pháp nghiên-cứu Ngữ-pháp Việt-Nam

TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH
và NGUYỄN-HIẾN-LÊ



KỶ NIỆM THÀNH LẬP ĐẠI HỌC Y KHOA HUẾ

Bệnh Toxoplasma — Bệnh Thủy bào chân sơ sinh — Bệnh Tế bào cự đại — Phế viêm hạch siêu vi thể
LÊ-TẤN-VĨNH

Kết- quả khảo-sát đầu tiên về phụ-huyết-loại A và hệ-thống Huyết-loại MN của người Việt-nam
LÊ-KHẮC-QUYẾN và DƯƠNG-ĐĂNG-BẢNG



VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ

Chủ trương biên-tập: TRẦN-VĂN-TOÀN

Asia
B
128
-15
D.2

Thành trì chí của Trịnh hoài Đức

TRẦN-KINH-HÒA dịch thuật
(tiếp theo kỳ trước)

III. GIA-ĐỊNH-THÔNG-CHÍ, THÀNH-TRÌ-CHÍ CHỦ-THÍCH

THÀNH-TRÌ-CHÍ

Phụ chép : Công-thự kho tàng, chùa miếu, phố chợ cầu đường.

Truyện có câu rằng: « Thành là một nơi để gìn giữ dân chông kẻ tàn bạo, ắt phải tường cao hào sâu, để phòng ngừa khi bắt trặc, thực là một việc thiện rất lớn vậy ». Gia-định là một hùng-trần ở biên-thùy phương Nam, nghìn dặm non sông, thiên hiểm địa lợi, làm phen giậu cho nước nhà; không chê Xiêm-la, Ai-lao, Chà-và, thâu phục mên Mọi; làm giếng môi cho 5 trấn, nắm giữ then khóa trọng yếu ở cõi Nam; cho nên, dinh thự cần phải tráng lệ, cho người xa kiêng nể oai nghiêm; kho tàng cần phải dư dật, cho căn bản thêm phần bền vững; Xem thầy miếu chùa rục rờ, biết ngay thần thánh hiển linh; nhìn qua làng chợ đông vui, đủ thấy nhơn dân giàu thịnh; thầy cầu công đường sá sạch sẽ, thì biết rằng bờ cõi của ta vững bền; có đức lại có hiem, trong ngoài yên ổn, thật là một nơi tốt đẹp.

Gia-định thành.

Gia-định ngày xưa toàn là ao chuôm rừng rú, lúc đầu vua Thái-tôn (Nguyễn phúc Tấn, tục xưng Hiến vương 1648-87) sai tướng mở mang bờ cõi, chọn chỗ đất bằng phẳng rộng rãi, tại chợ Điều-khiển ngày nay, xây cất đồn dinh làm nơi cư trú cho các viên Thông-suất, Tham-mưu đóng trú; lại đặt dinh Phiên-trần ở gần ấp Tân-thuận ngày nay, làm nha-thự cho

các viên giám-quân, Cai-bộ, Ký-lục, đóng trại lính và làm hàng rào ngăn chung quanh; ngoài các nơi ấy ra, còn đất dư cho dân trưng chiếm lập chợ phố làng mạc; nhà ở lộn xộn, đường lối cong queo, để cho dân tùy tiện, khuôn khổ chưa rành sắp đặt. Các biên tướng có thay đổi, nhưng vẫn để như cũ chứ không sửa đổi gì (1). Kịp đèn Duệ-Tôn (Nguyễn phúc Thuần 1765-77) năm thứ 11, mùa xuân (ăt mùi), vua chạy giặc, đóng quân tại địa-phận làng Tân-khai (2). Thê tổ (Nguyễn phúc Ánh, tức Gia-long, 1778-1819) năm thứ 11, mùa thu (mậu thân) buổi đầu trung hưng, việc quân đương bận, phải tạm trú ở đồn cũ của Tây sơn ở phía đông sông Bình-dương, cho binh dân được nghỉ ngơi (ò). Canh-tuất năm thứ 13 (1790), mùa xuân tháng 2, ngày mùng 4, mới đắp thành bát quái ở gò cao làng Tân-khai, huyện Bình-dương; thành giồng hình hoa sen, nờ 8 cửa, ngang dọc có 8 con đường, từ đông qua tây rộng 131 trượng hai thước, từ nam qua bắc cũng thế, cao 13 thước, chân thành dày 7 trượng 5 thước, 3 cấp, tựa hướng càn day mặt qua hướng tòn.

Trong thành, bên tả phía trước dựng nhà Thái-miếu, giữa làm sở Hành-tại, bên tả kho chứa đồ, bên hữu xưởng chế-tạo, chung quanh cất nhà cho lính hộ vệ. Trước sân dựng cột cờ 3 tầng, cao 12 trượng 5 thước, trên có nhà vọng đầu bát giác, bốn bên chằng dây thang. Trên vọng đầu có quân ngồi canh, có cánh báo thì ban gày treo cờ, ban đêm treo đèn làm hiệu cho các quân trông thấy để theo lệnh điều khiển. Hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, thực là hiểm cò tráng lệ. Ngoài thành, phố xá chợ búa, hàng lối dọc ngang, đều có thứ tự. Đường quan-lộ phía tả từ cửa Chân-hanh, ra cầu Hòa-mỹ, qua sông Bình-đông, thẳng đến trấn Biên-hòa; quan-lộ phía hữu, gặp những khúc quanh co, đều chằng dây sửa lại cho thẳng, kỏi từ cửa Tồn-thuận, qua chùa Kim-Chương, do phố Sài-gòn, đến cầu Bình-An, qua chùa Tuyên-Nguyên đến sông Thuận-An, bên Thủ-đoàn, qua sông Hưng-hòa, trái gò Trần-Định qua gò Triệu-Cương; đường rộng 6 tấc, hai bên trồng thủy-mai, mít, các thứ cây hợp thủy thổ; cầu công thuyền đỗ chỗ nào cũng sửa sang chỉnh đôn, đường bằng phẳng như đá mài, gọi là đường thiên-lý phương nam.

Năm 1801, sau khi thu phục kinh đô Phú-Xuân, vua xuống dụ triệt hạ nhà Thái-miếu trong thành. Gia-Long năm thứ 8 (1809), Tổng trấn Nguyễn-văn-Nhơn, Trịnh-hoài-Đức (4) vưng mạng vua dựng nhà Vọng cung tại trước sân thành, gặp những ngày lễ như Chính-đán, đoan-ngo, mừng

một, ngày rằm, đem các quan thuộc văn vũ trong thành và tại trấn Phiên-an, chiều nghi lễ làm lễ vọng bái; hai bên tả hữu dựng lầu bát giác để đặt chuông trống, lại dựng nhà Hành-cung để khi vua tuần du có chỗ trú ngụ. Đường sau làm công-thự Tổng-trần, phía hữu công-thự Hiệp-Tổng-trần, phía tả công-thự Phó-Tổng-trần; lại dựng trại quân ở ba cửa Càn-Nguyên, Ly-minh và Tồn-thuận, lợp ngói sơn son, oai nghiêm hoa lệ; sửa sang 4 cửa thành Càn, Ly, Chấn, Tồn, đều có vách tường lầu gác. Như ván gỗ cầu treo lâu ngày bị mục nát, bèn xây lại cầu và hào bằng đá tổ ong, cao rộng chắc chắn, không có nước đọng. Trước cửa Ly-minh, dựng Thân-minh-đình, làm nơi yết thị những chiếu, cáo, dụ-chỉ, bằng-văn v.v...

Chè-tạo-cục ở sau đường Càn-chỉ, Đoài-duyệt trong thành, 3 gian nhà ngói đối mặt nhau. Phía trước đường Càn, Đoài, bên tả một dãy trại ngói làm nơi đặt súng, bên hữu một dãy trại lá làm nơi tạo tác cho thợ rèn; buổi đầu trung-hưng, các thợ tạo tác đều ở nơi ấy, hội tập và thu trữ các hóa vật thô sản. Năm tân-dậu (1801) khắc phục Trấn-kinh, công việc ở thành tỉnh giảm, năm Nhâm-Tuất Gia-Long nguyên-niên (1802), bãi bỏ kho chứa tiền lụa ở thành, sản vật sưu thuế nạp cả vào Chè-tạo-cục. Gia-Long năm thứ 10 (1811) về sau, những sản vật biệt nạp chia nạp vào kho riêng 5 trấn, Chè tạo cục chỉ thu trữ những đồ sắt (của Hà-lan bán ở Xiêm do quan-thuyền mua về), cất giữ đồ công và làm các công tác tầm thường mà thôi.

Kho tiền bạc ở trong thành, bên hữu đường Càn-nguyên, Khâm-hiến; ban đầu đặt nội-khố để thu trữ vàng bạc, sô đoạn, vải lụa các thứ quý hóa; sau bãi nội-khố, đổi làm Kiên-tín-khố, 5 gian nhà kho lợp ngói, trữ các thứ thuế biệt thu ở thành và tiền bạc của 5 trấn hội nạp, có đội lính Kiên-tín phòng thủ.

Kho Đồn-diễn ở phía tả đường Càn Khâm trong thành, nguyên trước là kho chứa đồ. Gia-Long năm thứ 4 (1805) dựng 2 nhà kho ngói, mỗi kho 10 gian, thu trữ lúa thuế Đồn-diễn làm lúa lưu trữ, còn dư thì trữ riêng vào kho 5 trấn, có đội quân An-hòa phòng thủ.

Trại súng ở trước phía tả Chè-tạo-cục trong thành, 15 gian lợp ngói, trên lát ván để đặt đồ phụ-tùng các thứ súng; trong rại sắp hàng các khẩu súng đại-bác bằng đồng, bằng sắt, hỏa xa, trụ súng, đều có xe chở; sơn đỏ sơn đen, mỗi năm một lần sơn phết và lau dầu các thứ súng cho khỏi han rỉ.

Kho thuốc súng 12 gian ở mặt sau trong thành, nhà ngói tường gạch; những thùng gỗ đựng thuốc súng đặt trên sàn nhà; cầm tuyệt đèn lửa, người ngoài không cho ra vào.

Kho Châu-sur (thủy quân) cách phía đông thành chừng một dặm, dọc bờ sông Tân-bình (5) quanh sông Bình trị, giảng dài ba dặm, dựng để che các thuyền Hải đạo (Nguyên chú: tàu thủy chiến hay nhất của Việt-Nam), Chiến hạm (nguyên-chú: kiểu giồng tàu buôn, không có buồm mà nhỏ, tục gọi là « xương », 骨船), Ghe Ô, Ghe Chu (nguyên chú: Thường tục gọi thuyền bằng « Ghe », ghe dùng đánh giặc thì thân lớn và dài, ngoài sơn dầu hắc gọi là ghe Ô, sơn đỏ gọi ghe Chu), Ghe Lê (nguyên-chú: mũi thuyền và lái thuyền đều có chạm vẽ), và chứa đựng những dụng-cụ thủy chiến.

Trượng-xường ở ngoài bờ đất cửa Khâm-hiến của thành, là chỗ voi thường trú; hoặc lưu lại trong thành, hoặc thả theo đám nước cỏ ở Biên-hòa, tùy thời không có định-lệ; đầu mùa xuân có làm lễ « Nhưong », đầu ôm có quan cấp thấy huộc, uống nước, tắm có bến thường, chẵn cho ăn cỏ có nơi nhất định; không cho cỡi đi ra phố chợ những nơi đông người, nghiêm cấm không cho vào nương vườn người ta, ăn phá các thứ chuối tre, hoa quả v.v...

Trường chè tạo thuốc súng ở ngoài cửa Khôn-minh cách thành hai dặm, rộng một dặm, bên phía rào gai, có đủ khí cụ cỡi chày để nghiền thuốc; những lúc chè tạo, cẩn thận đèn lửa, cấm người ngoài không cho trà trộn.

Khâm đường, nhà ngục ở ngoài chân thành cửa Khôn-minh, xây cất từ mùa hạ năm giáp tuất, Gia-Long năm thứ 13 (1814); một tòa nhà đằng trước làm Khâm-đường, ba tòa đằng sau làm Ngục-thất; đàn ông, đàn bà, tội nặng, tội nhẹ đều có chỗ giam riêng; tứ phía trồng hàng rào, đào hào, cắm chông nhọn, phòng thủ nghiêm-mật.

Sứ-quán ở đằng trước phía hữu cửa Ly-minh, trước sau hai tòa nhà mái công, mỗi tòa năm gian, có 20 tên lính lệ; trước phía hữu dựng trường Hải-quan để thu thuế tàu buôn các nước.

Học-đường, Gia-Long năm thứ 4 (1805), khám mạng một viên Chánh-Độc-học, hai viên giáp, ở Phó độc-học, mới dựng Học-đường ở phía hữu ngoài bờ thành. Năm thứ 12 (1813), dời cất trên nền cũ đồn dinh tại chợ Điều-khiển.

Kho Tứ trần cất trên nền cũ nhà kho đình, cách phía nam thành bốn dặm rưỡi; năm mậu-thân (1788), buổi đầu trung-hưng, mở rộng thêm ra; dựng chung một chỗ kho bốn trần Phiên-an, Biên-hòa, Vinh-thanh, Định-trường, thâu trữ lúa thuê tô dung, để chi cấp lương bổng. Trần Hà-tiên trải qua loạn lạc bị điều hao, dân chiêu tập về, được miễn thuế. Chỉ có lúa thuê hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang, cho phụ nạp vào kho Vinh-thanh (6). Ất-sửu, Gia-Long năm thứ 4 (1805), phụng mạng dựng nhà kho lớn bằng ngói, ở giữa dựng nhà thờ Ty-thương để mỗi khi trưng thu làm lễ cáo tạ; trước 4 cửa, đằng sau tả hữu mỗi bên một cửa, ngoài trồng giậu tre, day mặt ra sông lớn xây cừ thẳng sông bằng đá tổ ong; phía sau có con sông nhỏ bao quanh làm hào. Gia-Long năm thứ 10 (1811), khuy định sản vật biệt nạp và thuế khóa đều nạp về trần. Hằng năm đến mùa xuân, chiều sò thuyền tào-chánh, bắt tập họp để chờ. Các quan văn võ tại 4 trần thay phiên nhau mỗi chuyến hai viên coi chuyên chở về kinh; ngoài ra còn phái Lại-phòng theo thuyền để coi việc nhận nạp, quan quân hộ tống và ghe thuyền thì do lính đương ban các trần sung cấp ứng hành.

Diễn-võ-trường cách phía tây-nam thành 10 dặm, ở trên một khoảng đất rộng chừng 50 dặm; hằng năm tháng giêng ngày tốt, làm lễ tế mã, tế cò và thao diễn trận pháp ở đó.

Đồn Giác-ngự ở bờ phía bắc sông Tân-bình, thuộc địa giới trần Biên-hòa, cách thành bảy dặm; trung hưng năm kỷ-dậu (1789) mùa hạ, mùng 2 tháng tư khởi đắp; chung quanh có trồng thủy mai, đối diện với đồn Thảo-câu ở bờ phía nam làm thế « ý-giờc » (thề chông đỡ nhau như cặp sừng loài vật).

Đồn Thảo-câu ở bờ phía nam sông Tân-bình, cách thành 6 dặm, thuộc địa giới trần Phiên-an; ngày tháng xây cất và thế-thề cũng giống như đồn Giác-ngự.

Lũ Bán-bích, Đốc-chiến Nguyễn Đàm đắp, hình bán nguyệt, giồng nửa viên ngọc bích, tại giáp giới hai huyện Bình-dương, Tân-long, nền cũ đương còn (trường thuật ở Cương-vực-chí).

Lũ Hoa-phong ở địa-phận huyện Bình-dương, cách phía tây Trần 62 dặm rưỡi. Hiến-tôn (Nguyễn phúc-Châu, tục xưng Minh-vương, 1691-1725) canh-thần năm thứ 10 (1700, Lê Hy-Tôn Chính-hòa năm 21, Đại-

thanh, Khương-hy 39), Thông-suất Chương-cơ Nguyễn-Lễ bình định Cao-Miền, bèn đắp lũy ày, nền cũ đương còn (7).

Đồn Tân-châu. — Tân-châu là quan ải địa đầu trọng yếu, kiêm quản ba đạo Tân-châu, Chiền-sai và Hùng-ngự; đạo chánh Tân-châu nguyên-thuộc Đại-thành, đặt tại giữa sông Dinh-châu, phía đông là đạo Chiền-sai thuộc trần Vinh-thanh; phía tây đạo Hùng-ngự thuộc trần Định-trường, như thế rặng chố chề nhau, cản ngăn hiểm yếu. Gia-Long năm thứ 17 (1818), phụng chỉ dời đạo Tân-châu lên châu Long-sơn, đạo Chiền-sai tiền lên cửa trên sông Hiệp-Ân, đạo Hùng-ngự tiền lên cửa dưới sông Hợp Ân (chép rõ ở Sơn-Xuyên-chí). Tháng 12, Khám mạng Tả quân Phó-tướng, Trần-thủ trần Vinh-thanh Nguyễn-văn-Xuân đắp đồn vuông Tân-châu, mỗi mặt dài 15 thước, cao 6 thước 5 tấc, chân thành dày 15 thước, đầu thóp lại 4 thước, 2 cấp, chính giữa 4 mặt thành nhô nhọn ra giồng hình bát giác; gán góc trước, tả hữu đều mở một cửa làm nơi quân lính phòng trú. Khuy chề đồn Chiền-sai cũng hơi giồng như thế, chỉ có Hùng-ngự hci ở về phía sau, chỉ dùng làm nơi tuần tra, chưa xây cất đồn-bảo.

Phiên-an-trần.

Lý sở trần Phiên-An lúc đầu dựng tại lân Tân-thuận, tổng Bình-trị, về sau vẫn nơi theo. Gia-Long năm thứ 6 (1807), mới dời đến địa phương làng Hòa Mỹ, ở phía đông bắc ngoài thành Gia-Định; mặt hướng về tây nam, xây lưug về sông Bình-trị, 3 tòa nhà ngói, giữa đình Trần thủ, tả Cai bộ, hữu Ký lục, gọi là Công thự của trần, cũng gọi là Công-đình, dọc ngang đều 80 tấc; chiều ngang chia làm ba đình, chỉ có trung đình rộng hơn 5 tấc mà thôi. Năm thứ 18 (1819) cách sau Trần thự 6 tấc, phía ngoài đường lớn, lại dựng 5 dãy kho ngói cho tứ-trần, mỗi kho 31 gian, rộng rãi đẹp đẽ, để chứa lương thực; Thừa-ty-quân la liệt canh giữ 3 đình. Khám đường, ngục sở dựng ở phía bắc quan-lộ (8)

Bình-dương huyện, nha môn rãnh việc. Thuở xưa thời thái bình, phong tục thuần hậu, việc quan giản dị; toàn hạt Phiên-An không đặt huyện-trị, chỉ ở địa-phương làng Tân-long, huyện Tân-long, đặt hai viên Phủ-Thừa đông tây để kiêm việc cai-trị; kịp đến năm Gia-Long thứ 12 (1813), mùa xuân tháng 3, mới chia đặt huyện-nha, ở hai thôn Quảng-uy-đạo và Tân-Thái, cách phía tây trần 52 dặm rưỡi; còn phủ-nha thì tỉnh giảm, chính-quyển đều do Trần-quan cai quản. Trước huyện-nha dựng một nhà Vọng-

cung để làm lễ những ngày chính-đán, doan-dương, sòc-vọng; kẻ làm một nhà sần-sự, một đông-đường và một tây-đường. Theo lệ đặt hai Tri-huyện, một Đê-lại, hai Thông-lại, sáu Chính-sai, 50 lính-lệ.

Tân-long huyện. — Nha môn rất nhiều việc, tại địa-phận làng Phúc-tú, cách phía nam trấn 67 dặm, khuy chẻ kiền trí cũng như huyện Bình-dương.

Phúc-lộc huyện— Nha-môn rất nhiều việc, khó làm, đặt tại địa-phận làng Thái-bình, cách phía đông trấn 56 dặm, khuy-chẻ cũng như mây huyện trên.

Huyện Thuận-An— Nha môn nhiều việc, đặt tại địa-phận làng Bình-khuê, cách phía nam Trấn 92 dặm, khuy-chẻ cũng như mây huyện trên.

Miêu Hội-đồng, cách phía nam Trấn 5 dặm rưỡi, tại phía tây quan-lộ, xưa từ thời mới mở mang bờ cõi dựng lên để thờ cúng thần linh trong địa hạt; miếu vũ rộng rãi, án kỹ rực rỡ, nay vẫn noi theo. Xuân thu tế hai kỳ, lệ đặt có 50 Lễ sinh, Miếu phu 25 người; trước miếu có cây đa, lớn 2 ôm, sum xuê mát mẽ, hành khách thường hay nghỉ mát dưới gốc cây (9).

Nhà thờ Hiến-trung — cách phía nam Trấn 5 dặm, tại phía tây quan-lộ, mới dựng lên từ năm ất mão (1795), để thờ phượng các Khai-quốc, Trung hưng Công thần. Giáp tý Gia-Long năm thứ 3 (1804), vua xuống chỉ khiến trùng-tu; ở chính giữa thờ hai vị Khâm-sai Chương Hậu-quân Bình-tây Tham-thặng Đại-tướng-quân tặng Thái-úy Tánh-Quốc-công Vũ-công-Tánh và Khâm sai Lê bộ tặng Thái-tử Thái-sư Châu Quận-công Ngô-tòng-Châu; còn các vị khác liệt thờ hai bên, biên vào hội-điền của bộ Lễ. Xuân thu hai lễ tế, lệ định đặt miếu phu 25 người. Cẩn án, Vũ-công người huyện Phúc-an, trấn Biên-hòa, làm người sáng suốt, vũ nghệ tinh-thông. Lúc đầu khởi-nghĩa binh ở huyện Kiền-hòa, tỉnh Định-trương, giao chiến trăm trận cùng quân Tây-son, mở bước đầu cho cơ-nghiệp trung-hưng. Đầu năm Mậu-Thân (1788) được phong làm Chương-cơ đình Tiên-phong; kẻ kết duyên cùng Trương-Công-chúa, vì đánh dẹp có công lớn, gia-phong Chương Hậu-quân Bình-tây Tham-thặng Đại-tướng-quân, Quận-Công.

Ngô-tòng-Châu người huyện Bình-dương, trấn Phiên-An, làm người liêm trực nghiêm trọng, lý học uyên thâm; buổi đầu trung-hưng đình thần cử làm chức Hàn-lâm, trải nhiệm chức Ký-lục trấn Biên-hòa, làm việc quan

có tiếng tốt, thăng Lễ bộ Đường-quan. Tháng 4 năm Kỷ mùi (1799), quan giữ thành của Tây son là Vũ-Trần-Tuân và Bình-bộ Nguyễn-Phúc đem thành Quy-nhơn quy hàng; vua sai hai ông đem binh ra trấn thủ, còn Ngự-giá đem quân về Gia-dịnh. Tháng 12, quan Thiệu-phó của Tây-son là Nguyễn Diệu, kéo hết quân trong nước, từ Thuận-hóa vào đánh, các ông đóng cửa thành kiên thủ. Tháng 4 năm Canh thân (1800) quân nhà vua đến cứu viện, quân địch chông cự rất hăng, không thể phá nổi vòng vây. Mùa hạ năm Tân dậu (1801), lưu Chương Tiến-quân Nguyễn-văn Thành, Chương Hữu-quân Nguyễn-Hoàng-đức, Chương-tượng-quân Nguyễn-đức Xuyên, ở lại Qui-Nhơn để làm ngoại-viện cho quân trong-thành; Vua Gia-Long đem thủy-quân thừa hư kéo thẳng ra Phú-Xuân, khắc phục được kinh-thành. Lại khiến Chương Tá-quân Lê-văn-Duyệt, Trung-dinh Đô-Thông chẻ Tông-công-Phúc, Ngự-lâm-đồn Đô-Thông-chẻ Lê-tôn-Chất, đem quân thủy lục từ Quảng-nam tiến đóng Quảng-nghĩa, để đánh tập hậu quân địch. Tháng 5, trong thành đã hết lương mà quân địch gấp 10 lần, bao vây rất gấp. Ngày 27, Vũ Công lên lầu Bát giác, phóng hỏa tự thiêu-minh, Ngô-công uồng thuộc độc tự tử, thành bị hãm. Tháng 3 năm Nhâm-tuất (1802), quan binh nội ngoại giáp công, Nguyễn-Diệu thua chạy, thành Qui-Nhơn dẹp yên; đặc ân truy tặng Vũ-công làm Dực-vận Công thần Phụ quốc Đại-Tướng-quân Thái-úy, Tánh-Quốc-công, thụy Trung-liệt; Ngô-công làm Tán-trị Công-thần, đặc tiền Trụ-quốc Kim-tử Vinh-lộc Đại-phu, Thái-tử Thái-sư Châu-Quận-Công, thụy Trung-ý. Triều-dinh để-nghị suy-tiền hai ông làm Trung-hưng-Công-thần đệ-nhật, tất cả Miếu Công-thần ở các nơi đều thờ hai ông ở bàn chính-trung, xuân thu hai lễ tế (10).

Miêu Thành-hoàng ở bờ phía nam sông Tân-bình, cách đông-nam trấn thành 6 dặm rưỡi; nguyên trước là cái đình để khảo tế Âm thần. Đình mào, Gia-Long năm thứ 6 (1807), xây cất nhà ngôi làm miếu Thành-hoàng của Trấn. Xuân thu hai kỳ, Trấn quan làm lễ tế nhưong.

Miêu Hải-thần Cẩn-giờ ở đông nam thú-sở, thờ thần Nam-hải, lấy các vị Hà-bá Thủy-quan hai sông Phước, Bình và Ngọc-lân Tôn-thần (cá Ông Ngư) phôi hương; cột sơn kèo chạm, văn vẽ nghiêm trang. Thường năm, tiết mạnh-xuân, trấn-quan cho giết trâu bò làm lễ tế, cầu cho gió thuận sóng êm, cho tào-thuyền vận tải ra kinh-đô, đi về được tiện

lợi. Các thuyền buôn ra vào, cũng thường biện lễ riêng cầu cúng, khói hương nghi ngút hằng ngày. (11)

Miêu Hóa-tinh ở phía tả chợ Điều-khiển, nguyên thờ Hóa-tinh-Thần-nữ; bởi vì lây quê Ly (鸞) thuộc « hóa » mà trung-hư (ngang giữa quê 三 trông, làm 2 đoạn) thuộc âm, thuộc trung-nữ cho nên vì thần thuộc phái nữ (Bà Hóa); thờ phụng nghiêm kính, rất có tiếng linh ứng. Người ở đây thường năm trước ngày xuân-thu lo làm lễ tề, để nhường trừ việc chẳng lành; có thể mới được yên ổn, nếu chậm trễ thì lập tức có họa. Trước miếu tạc tượng hai người lính giữ cửa, hình dung cổ quái, lơ mờ dưới bóng cây đa; những đêm có trăng, người qua đường chạm thầy, phát sợ run lên.

Đền thờ Phi-vận-Tướng-quân ở địa phận làng Tân-long, huyện Tân-Bình; nguyên trước miếu dựng tại phía nam Phủ-nha, thờ Tùng-giang Văn-trung-công, rất linh ứng. Thường năm hai quý Xuân-thu, viên Tri-phủ đứng chủ tề, tề lễ dùng trung-lao (heo); ngày tề, trăn thiết mâm bát chai ly đủ lễ bộ, nhưng heo thì để sống; vì Văn-trung-công chét vì gươm đao, sợ xúc ý thần linh, nên chẳng nỡ sát sinh vậy; cứ tăng sáng ngày làm lễ, cho một người vác heo chạy quanh đám tề, chọc cho heo kêu, tỏ ý cáo với thần linh rằng vật tề vẫn « sinh » vẫn « toàn » vậy. Từ ngày binh loạn, phủ-nha bãi bỏ, nên không còn tề lễ. Nhưng miếu mạo vẫn nghiêm-nhiên, người bán-xứ vẫn luôn luôn hương khói. Nay nghi lễ miếu Hội-đồng, liệt thờ ông đứng đầu vậy. Xét Ô-châu-Cận-lục của Dương-văn-An chép rằng: Văn-trung-công họ Nguyễn tên Phục người xã Tùng-giang, Gia-long (?); đậu đệ tam-giáp Tiên-sĩ khoa Quý-dậu (1453) đời Lê Nhơn-tôn (Lê-Bang-Cơ, 1443-60), hiệu Thái-hòa, lịch nhiệm các chức Chuyển-vận-vứ, Thanh-hoa-đạo Hành-khiển-sứ. Lúc Lê Thánh-tôn (Lê-tư-Thành, 1469-96) chưa lên ngôi, ông làm Vương-phủ Thái-phó, kịp đến khi lên ngôi, cắt ông lên làm chức Hàn-lâm, Tham Chương-Viện-sự; có lần phụng mạng đi sứ nhà Minh, thăng chức Đại-lý-Tự-khanh, coi việc Binh-chính-viện Tham-nghị, lại làm Thân-quân-ty Cẩm-y-vệ Chỉ-huy-sứ ty Thiêm-sự. Vua Thánh-tôn đi đánh Chiêm-thành, ông phụng mạng làm Phi-vận Tướng-quân Chuyển-thâu-đội. Lúc lương-thuyền đến cửa Tư-dung, gặp sóng gió lớn, hành trình rất gian nguy; chúng sợ bị tội, giục ông cứ việc đi. Ông bảo rằng: « Thà một mình ta chịu hình phạt dưới ba thước gươm, nỡ nào đem số lúa kho quý hiếm và bao nhiêu

mạng người vô tội, thứ liễu với sóng to gió lớn, rồi chôn cả vào bụng cá cho đánh ». Nói vậy rồi ông cho đoàn thuyền đình lại tất cả. Vua giận, hạ lệnh bắt ông giam vào ngục. Kẻ cận-thần như gièm pha thêm, ông bị giết. Dân chúng cảm thương, lập miếu thờ tại chỗ ông thọ hình; miếu rất linh thiêng, ai có kêu cầu việc gì, lập tức thầy ứng nghiệm. Vua Hiến-tôn (Lê-Tảng, 1498—1504). Khoảng niên-hiệu Cảnh-thông (1498—1540), truy tặng làm « Văn-trung-Chánh-nghị-chí-thần », Lịch-triều đều có gia phong huy-hiệu, liệt vào điển lễ thờ phượng. (12)

Chùa Kim-chương ở phía nam « trấn » hơn 4 dặm, về phía bắc quan-lộ. Phật-diện chính-trung, Tiền-đường, hậu đường, Đông, Tây-đường, Sơn-môn, Phương-trượng, Kinh-thất, Hương-viện, Phạn-thất, chạm trở sơn thiếp, rộng rãi nguy nga; phía bắc chùa có suối nước ngọt, bốn mùa nước chảy, tràn lên đền đường đi. Thê-tôn (Nguyễn-phúc-Khoát, tục xưng Vũ-vương, 1738—65) át-hội năm thứ 18, có thấy tăng du-phương người Quy-nhon là Đạt-bản Hòa-thượng ngừng bước ở chùa này, từng được vua ban cho một tấm biển-ngạch đề 3 chữ Kim-chương-tự. Đạt-bản tịch, truyền lại cho đồ-đệ Quang-triệt. Năm át-mùi (1775), Hòa-nghĩa Lý-Tướng-quân tôn lập Mục-vương ở đây (chép rõ ở mục Sơn-xuyên-chí), lại được vua sắc phong một lần nữa. Quang-triệt tịch, Quang-Trạm kế; Quang-Trạm tịch, Quang-Tuệ kế. Gia-long đình-(Quý?) đậu, năm thứ 12 (1810), Thần-võ-quân Phó-tướng Trần-nhon-Thái vâng di-chỉ của Cao-Hoàng-hậu, cho 1 vạn quan tiền để tu bổ chùa; kinh-tặng trồng chuông, nhất thiết đều chỉnh đốn lại, thêm phán trang nghiêm, làm một « Đại-bửu-Sát » của tỉnh Gia-định ngày nay (14).

Chùa Giác-lâm ở gò Cẩm-sơn, cách phía tây lũy Bán-bích 3 dặm. Gò ấy như một đồng vàng nổi bật lên ở giữa cõi bình-nguyên trăm dặm, tựa hình đội nón, giải nệm bông màn, rộng 3 dặm, cây cao thành rừng, hoa ngàn dẹt gằm, mây chiều khói sớm, un tỏa vẩn quanh, tuy nhỏ mà thanh-thú. Thê-tôn giáp-tý, năm thứ 7, mùa xuân, người xã Minh-hương Lý-thụy-Long (16) bỏ tiền ra xây cất; chùa bụt trang nghiêm, cửa thiên u tịch; thi-nhân du-khách, những lúc Thanh-minh Trùng-cửu nhàn-hạ, rủ nhau 5, 7 người, mở tiệc ngọc để thưởng hoa, nung chén vàng mà ngâm vịnh; đêm xuống chôn hống-trần thị tứ, đều gạt xa ra ngoài tầm mắt, thực là cảnh du thưởng rất tốt vậy. Gần đây Viện-quang Đại-lão Hòa-thượng, thê-hệ thứ 36 Lâm-tề chính-tông, kiến chí tu trì, từ tuổi trẻ đến

ngày già, đạo-đức ngày càng tinh tấn; tính thích yên hà truyền thạch, lánh xa huyền-náo thị thành; từ ngày đến đây, dưới rừng xanh vui thú già-lam, trong núi thâm dứt cơn phiền não. Gia-long năm thứ 15 (1816), mở giới-đàn lớn. Từ ấy đến nay thiện-nam tín-nữ quy y càng ngày càng đông, Sơn-môn càng thêm sinh sắc (17).

Chợ Củng-dung (18) ở phía nam Trần, dưới chân bờ bên hữu thành lớn, có cây da cò-thụ, cành lá che cả chợ, bóng dâm nửa màu, khách buôn nhóm chợ dưới gốc cây. Đâu canh tư, người nhà quê đã cầm đuốc gánh đội rau dưa hoa quả đến họp, ngồi bán đâu phía tây chợ, con buôn đến mua sí đem về; tảng sáng, đâu phía đông chợ, hai bên đường cái, những hàng hóa cá thịt mới đem ra bày bán; đèn hoàng-hôn chợ mới tan.

Chợ Bền-Thành (Thành-tiền-tân-phổ-thị), phố xá đông đúc, họp chợ thẳng bờ sông; theo lệ thường đến ngày tế « Mã » xuân-thủ, dưới sông diễn đoạt thủy-bình. Có đò ngang để đưa đón khách Ngoại-dương lên bờ. Ngồi Sa-ngư ở đầu phía bắc, trên có bắc cầu ván, hai dãy phò ngồi, bán đủ thứ hàng, thẳng sông thuyền buôn lớn nhỏ chẳng chịt.

Chợ Rạch-bền (Rạch-tân phổ thị) ở bờ phía tây sông Bình-dương, phò ngồi giăng liễn, bên sông toàn cát sỏi, làm nền tảng cho voi ngựa. Đầu phía bắc bên, năm kỷ-dậu (1789) có bắt ngang sông một cái cầu, thông đường với đốn Thảo-câu, rất tiện cho việc tiếp ứng; từ sau ngày giặc già yên, bị nước chảy cầu hư, đến nay cũng không tu bổ lại. Đầu phía tây bên gọi là Chú-tiền-cục, Bình-thìn năm thứ 19 (1796), vắng sắc-mạng Thê-tô Cao-hoàng-đề, đúc tiền Gia-hưng-thông-bửu ở đây, hơn đặt tên ấy (17)

Chợ Điều-khiển cách phía nam Trần 1 dặm rưỡi, xưa ở trước nha Điều-khiển nên đặt tên ấy. (Nguyên chú: Cũng giống như chợ Cai-bộ, cầu Khâm-sai, chợ Cai-đội v.v... Thời hơn không dám chỉ tên người sáng tạo, chỉ lấy chức quan mà xưng hô, lâu dần về sau tên họ thất truyền, ấy là sự noi theo sai lầm của thế tục vậy). Nay quan-nha đã dời đi nơi khác, mà tên cũ vẫn noi theo, ngày xưa phố xá rất đông đúc (20).

Cầu Cao-miền, cách phía tây-bắc Trần 1 dặm rưỡi. Trước đây vua Cao-miền tên Giao-ba-Yêm lúc về già mỗi một, giao quốc-chánh cho con là Nặc-Tha-quyển-nhiếp, ngự trị tại thành La-bích. Túc-tôn (Nguyễn-phúc-Thụ, tục xưng Ninh-vương, 1725—38) tân-hội năm thứ 7 (1731,

Lê Phê-đề Vinh-Khánh tam niên, Đại-Thanh Ung-chính cửa niên), mùa hạ tháng 4 ngày 18, có người Lào tên Trạch-Tốt, từ Cầu-Nam khởi ngụy, cùng bọn Cao-miền ở trong rừng núi, tràn xuống Gia-định cướp giết dân Kẻ-chợ. Thời ấy thái bình vô sự, thành trấn không phòng ngừa, giặc đến thình lình, quan dân đều kinh hoảng; viên Điều-khiển huy động cấp tốc Cai-cơ Đạt-thành-hầu ra chông giặc tại Bền-Lức; cô quân không có cứu viện, Đạt-thành-hầu bị giặc giết chết. Thông-binh Định-sách-hầu Trán-dại-Định suất thuộc tướng Long-môn đón đánh giặc tại Vườn-Trầu, phá tiền-quân của giặc, thề hăng của giặc bèn hơi dụt. Đại-định đáp lữ dật Hoa-phong để ngăn giặc. Thông-suất Vinh-trường-hầu Trương-phúc Vinh lại điều-động Giám-quân Cai-đội Triêm-ân-hầu Nguyễn-phúc-Triêm đem quân cứu ứng Bền-Lức; giặc Lào bị đánh bại phải rút lui về Vung-Cù. Phúc-Vinh chia quân làm 3 lộ, tự đem thủy-bình do đường Tiên-giang, Phúc-Triêm do đường giữa Bát-huyền, Đại-Định do đường bộ Quang-hóa, nhứt tề tiến phát. Bình Lào tan chạy núp trốn vào rừng sâu. Cha con Yêm, Tha, (Cao-miền) sợ bị tội lây, chạy trốn ở phủ Sơn-bô. Đại-Định cứ đóng Cầu-nam, Nặc-Yêm đưa thư nói tự người Lào gây hấn, khẩn khoản xin đại-binh tạm đình, y tinh-nguyện lòng bắt cho được tướng giặc, giải nạp quân-tiền thọ tội. Đại-Định chuyển báo với Phúc-Vinh, nhưng Phúc-Vinh không nghe, muốn đuổi đánh cho đến cùng. Nặc-Tha nghe tin cả sợ, càng chạy lánh xa hơn. Gặp lúc tháng 7 mưa dầm, Đại-Định hơn chịu cho hàng, truyền hịch binh ba lộ triệt về Gia-định. Nặc-Tha trở về La-bích, nhưng người Lào lại tụ về Cầu-nam, giết người cướp của như trước. Nặc-Tha sức yếu không địch nổi, bèn hiệu triệu binh các phủ hợp công. Nhâm-tý năm thứ 8 (1732) tháng 1, Phúc-Vinh tiếp được biên-báo, lại để binh tiền đánh; quân Lào lại trốn lánh, Nặc-Tha cũng chạy vào Sơn-bô, tìm cách lo lót, cầu hoãn binh, cho được thông thả liệu kẻ bắt tướng giặc. Tháng 3, Phúc-Vinh bèn lưu Đại-Định ở lại dẹp giặc, tự mình dẫn đại-quân về dinh đốn nghỉ ngơi. Thời ấy, luôn năm dùng binh, mà chưa bắt được quân giặc, Triều-dinh nghiêm gia quở trách. Phúc-Vinh sợ tội, làm một phong mật sớ tâu vua, đổ lỗi vì Đại-Định năm trước không chịu tiền binh, lại tư thông với Cao-miền; năm nay lợi dụng cơ hội người Lào dấy loạn, để giữ mãi binh quyền, mà đánh dẹp thì bất lực. Tháng 4, Đại-Định tiền binh đóng đốn Lô-việt (Ankor-Vat), vừa đánh giặc vừa yên võ dân; Nặc-Tha được dịp hành động, dùng kẻ lừa bịp người Lào giết sạch, rồi tự trói mình đến trước cửa quân xin chịu tội. Đại-Định

lưu Nặc-Tha ở lại Lò-Việt, để chiêu vũ dân lưu vong, rồi đem binh về báo tiếp. Đại-Định về đến Gia-định, Phúc-Vĩnh muốn ra tay trước hại Ông, bèn định ngày hội đồng các tướng để xét hỏi. Đại-Định biết mưu, tự nghĩ trước đây vì Đại-tướng điều-khiển không khéo, nên Đạt-thành-hầu phải bị giặc giết; kể lại ăn của hồi-lộ rút quân về, thành thử tiền thời không được việc, nay lại đổ lỗi cho ta; nếu ta bỏ tay chịu cho y bắt để xét hỏi, y sẽ dùng quyền thế áp đảo, thù dật nên tội; rồi đây ánh sáng không soi qua chậu úp, ai sẽ bọch bạch oan nấy cho ta. Chi bằng ta về kinh kêu xin bề trên thăm xét, dẫu chết cũng cam tâm. Ông bèn thừa đêm tối, cùng thuộc hạ đi một chiếc chiến thuyền ra kinh. Lúc thuyền đến gần Bút-kê-son, tông-đệ của ông tên Trần-Thành can rằng: « Phúc-Vĩnh là dòng dõi đại-thần nước Nam, ở triều-đình có nhiều thân thích; nay anh muốn cầu thân-minh lẽ phải trái, ai sẽ biện bạch cho anh? Chi bằng chạy thẳng về Việt-đông, tìm chôn an thân, khỏi đem mình làm cá thối cho người vằm xê». Đại-Định nói rằng: « Cha ta là Thượng-xuyên-công từng mang ơn nặng Triều-đình, Vua từng có lời dụ rằng: (Họ Nguyễn làm vua, họ Trần làm tướng, công khanh bắt diệt đời đời), vinh hạnh biết chừng nào! Nay một khi vì Biên-soái che lấp bắt công, nếu chẳng đến triều-đình nhờ thăm xét, ta sẽ mang tội phản nghịch. Bao nhiêu công nghiệp ông cha như non như núi, sẽ sụp đổ xuống hang xuống sông; chẳng những mang tội làm tội bất trung, mà cũng mang tội làm con bất hiếu nữa, mặt mũi nào đứng trong trời đất được ư? Bèn quát thủy thủ, khiến lái thuyền vào cửa Hàn. Trần-Thành cương quyết chẳng theo, tranh thủy thủ cầm lái khiến thuyền thẳng giông ra bể. Đại-Định thấy gió nam thổi mạnh, sợ thuyền đến Quỳnh-hải, khó quay buồm trở về, lòng rất bồi rồi; bèn rút gươm chém Thành, quát đà-công quay thuyền vào cửa Hàn hạ neo; rồi làm giầy kẻ hệt lý do trình Dinh-quan Quảng-nam nhờ chuyển tâu lên Triều-đình. Từ khi Đại-Định tròn đi ban đêm, quan Điều-khiển nghĩ chắc ông tròn về Quảng-đông, hạ lệnh bắt giam toàn gia vào ngục, và làm số tâu về Triều-đình xin chỉ thị định đoạt. Đến nay số tâu sủa dinh Quảng-nam, cũng đến kinh đóng thời. Các quan hội nghị tâu rằng: Trần-đại Định trước đã giao thông với Cao-miền nay lại có ý vi lệnh thượng-tướng; xin xuống sắc lệnh chính pháp (xử tử), để răn dũa ngoan-phu. Nhưng lượng thánh khoan hồng nghĩ rằng, nếu Đại Định có lòng phản bội, thì đã như cá lớn ra biển, để gì bắt lại được mà giết chết; nay tự ra kinh xin thăm xét thì bề trong tình lý còn khá thứ tha. Bèn xuống dụ lưu giam Trần-đại Định ở Quảng-nam,

một mặt sai quan vào Gia-định phúc thăm; chờ án kết xong sẽ đoán định. Đại-Định ở trong ngục lâu ngày không chịu được, tức giận thổ huyết hàng mây bát, rồi phát bệnh liên miên, qua đến tháng 12 thì chết. Kịp khi án thăm sát tâu về, thì Nguyễn phúc Triêm cương quyết làm chứng Đại-Định không hề có việc giao thông với Cao-miền và chậm tiền quân bao giờ. Chừng ấy Đại-Định được hưởng ân điển, được truy tặng hàm Đô-đốc Đông-tri, thụy hiệu Trương-mẫn. Vì giặc Lào có tiếng đồn « sợ Phúc-Triêm như cọp » vua cho Phúc-Triêm thăng chức Cai cơ. Trương-phúc-Vĩnh bị buộc tội hành quân thất cơ-nghi và tâu đòi bắt thiết, bãi quyền Thông-suất, giáng xuống làm Cai-đội; đổi Cai cơ Nguyễn-hữu-Doãn qua giữ việc Điều-khiển. Bình thìn năm thứ 13 (1736), Giao-hoa-Yêm chết, sắc phong con là Nặc-Tha nối ngôi (22). Năm ấy Nặc Thâm từ nước Xiêm trở về, Tha-vương không tiếp nạp. Thâm đình trú ở phủ Lô-khu (Angkor), nhưng con của Thâm là Yêm Chấn và cháu kêu Thâm bằng chú là Sô đều theo Tha-vương ở La-bích, thường thông báo tin tức qua lại với Thâm. Tha-vương sinh nghi, tự dời ra ở Nam-vang, ám phục binh và dò xét động tịnh của bọn tên Sô, để thừa thế giết đi. Bọn tên Sô sợ, bèn lập bè đảng ở các phủ Lô-Việt, Cầu-nam làm phản. Tha-vương chạy xuống Gia-định. Tướng giữ thành Gia-định cho lưu-trú ở vùng đất trồng miến thượng-du Nghi-giang, phía bắc đồn dinh. Tha-vương, vì chỗ ở cách sông, khởi bắc một cầu ván để đi qua lại cho tiện; vì vậy người đương-thời gọi cầu ấy là cầu Cao-miền vậy. Bọn tên Sô đã chiếm được toàn cõi Cao-miền, bèn rước Nặc-Thâm về lập lên làm vua. Đinh-Ty (1737) năm thứ 14, tháng 10, Nặc Thâm khiến sứ-thần đến kinh sư tiền công. Thê tôn đình-mão (1747) năm thứ 10 (Lê Hiến tôn Cảnh hưng bát niên, Thanh, Càn long thập nhị niên), tháng 11, người Miên ở phủ Ba thắc tên là Sô Liên Tóc đánh cướp Mỹ-tho, Ký-hôn, lúc ấy Nặc Thâm đã chết, bè đảng lập con thứ năm của Thâm là Đon làm vua. Con thứ tư là Hen giành ngôi, cứ binh giao chiến. Bọn thầy sai Chiêm Hậu và Chậu Thủy-Yết lại lập con trưởng của Nặc Thâm là Yêm lên làm vua, chém giết lẫn nhau, dân Miên rất khôn khổ, vì thê Sô-liên-Tóc mới thừa cơ phản nghịch. Mậu-thìn (1748) năm thứ 11, tháng giêng, Điều-khiển Nguyễn-phúc-Doãn ra quân, đốt hết thuyền bè của Sô-liên-Tóc ở Mỹ-tho, đuổi riết đến lũy-sát, thẳng tiến vào Nam-vang, đánh bại liên tiếp quân Chậu Thủy-Yết, ngự-vương Yêm chạy qua Xiêm-la, bọn Đon, Hen chạy trốn đầu không biết. Bình ta bèn đem Tha-vương về nước, đóng vương-phủ ở dinh La-bích, quan-quân đặc thẳng khởi hoàn.

Tháng 6, Cao-la-hân, Ôc-đột, Lục-Mân dẫn binh Xiêm về đánh Cao-miên, Tha-vương lại chạy xuống Gia-định, tạm đình ở Chợ-Quán, kẻ bị bệnh chết. Con thứ 2 của Nặc-Thâm là Nguyễn tử Xiêm-la trở về nước, kẻ tập vương-vị, lo chăm việc chức công, không thà lễ phiên thần, Cao-miên từ ấy mới hơi được yên ổn. (23)

Chợ Nguyễn-Thực cách phía tây Trần 10 dặm. Túc-tông đình-mùi (1727) năm thứ 3 (Lê Dũ-Tôn Bảo-thái năm thứ 8, Thanh, Ung-chính thứ 5), người Quảng-nghĩa Nguyễn-văn-Thực khai phá rừng hoang lập chợ, chôn ấy bên trở nên một nơi tập họp đông đúc ở gò núi.

Chợ Tân-cảnh tục danh Chợ-Quán, cách phía nam Trần hơn 6 dặm rưỡi, phố chợ đông đúc, thường năm đến ngày Tết người ta thường bày các trò chơi xe-quay đu-tiền, thực là một chợ rất lớn; ngày trước, cứ đến cuối năm, giết tù tử-tội ở đây. Bờ phía đông bên kia sông, trước có người Cao-miên tên Nặc-Địch theo Tha-vương đến cư trú ở đây; y có bắc một cái cầu ngang thông qua chợ, tên gọi cầu Nặc-Địch, sau như loạn lạc bị hư nát. Tại đường lớn đầu phía tây có đóng đồn lính để canh phòng trộm cắp. (24) Tuệ-tôn canh-dẫn (1770) năm thứ 6, (Lê Hiển-tôn Cảnh-hưng thứ 31, Thanh, Càn-long thứ 35) mùa xuân tháng giêng, ngày 25, lúc đêm khuya vắng người, có một con cạp lớn vào nhà dân ở phía nam chợ, hăm hét vang dậy, mọi người đều kinh hoàng; chạy báo đồn đình, phái binh đến vây bắt. Người ta triệt hạ nóc nhà, làm hàng rào vây quanh mày lớp. Nhưng cạp rất dữ ác, không ai dám gần. Vây được ba ngày, có thấy sãi viễn phương hiệu Hồng-Ân cùng đồ-đệ Trí-Năng tình nguyện vào bắt cạp. Hồng-Ân đầu với cạp hồi lâu, cạp bị côn đánh đau, nhảy núp vào bụi tre. Hồng-Ân đuổi nà, cạp quay lại đầu nữa. Hồng-Ân thối lui, vấp chân ngã vào mương nước, bị cạp vỗ trọng thương. Đồ-đệ Trí-Năng tiếp viện, dùng côn đánh cạp trúng đầu cạp chết nốt. Thương tích Hồng-Ân quá nặng, nên ông cũng chết liền lúc ấy. Người ở chợ cảm nghĩa nhà Sư, chôn cất và dựng tháp ngay tại chỗ, hiện nay đương còn. Đình đậu năm thứ 13, (1777) mùa xuân tháng 3, quân Tây-son đánh vào nam, Gia-định thất thủ; Tham-tán Nguyễn-Tĩnh trốn tại chợ này, bị giặc bắt được, tử nạn. Trước đây ở Bắc-hà vua yêu tôi mạnh, Lê Cảnh-hưng để chỉ khoanh tay rủ áo ngồi không. Trịnh-Sum chuyên chánh, tự xưng Tĩnh-vương, nghe Nam-phương có Tây-son Nguyễn-văn-Nhạc khởi loạn, bèn muốn lợi dụng cơ hội tại biên đó. Nhâm-tý năm thứ

10 (1774), Trịnh-Sum phong Hoàng-ngũ-Phúc (Quốc-lão dã trí sĩ) làm Bình-nam Thượng-Tướng-quân, Ba-công, khiến đốc quân các đạo Sơn-nam, Hải-dương, Quảng-yên, Thanh-hoa, Nghệ-an vào đánh phương nam. Quân Ngũ-Phúc đến Bò-chánh Ngoại-châu, tháng 9, tin cấp báo đến triều-đình. Thời ấy thái bình lâu ngày, chẳng sửa sang binh-bị, triều-đình khiến tướng đem quân chống cự, nhưng bị thất bại luôn. Kẻ sai Tôn-thật-Chí làm Tiết-chê bộ-binh, Nguyễn-Tĩnh làm Tham-tán quân-vụ (Nguyên chú: Nguyễn-Tĩnh con đích-trưởng Siêu-Quán, người huyện Hà-ly, Quy-nhơn, Siêu-Quán tên tự Thuần-Nhật, biệt hiệu Bật-nhị, có tiếng giỏi lý-học và tinh thông thao lược. Học-trò tôn xưng Siêu-quán Tiên-sinh), đem quân ra đánh, nhưng bị thua chạy. Bắc-quân tiền cứ Phú-xuân-kinh, Nguyễn-Tĩnh trốn về Quy-nhơn, Nguyễn-Huệ tìm mời ông, yêu cầu giúp sức. Nguyễn-Tĩnh bảo rằng một người đã mất nước, còn tính việc lo mưu gì được; xin dắt mẹ đi tìm chúa cho trọn tiết làm tôi. Huệ đã tính đành giết ông, nhưng sợ mang tiếng giết kẻ sĩ, bèn dẫn lòng tha cho đi. Tĩnh lén trốn vào Gia-định ra mắt Duệ-tôn, tham dự mưu-nghị. Năm Đình-đậu (1777) thất thủ, Tĩnh theo hộ-giá không kịp, dắt mẹ trốn ở một nhà trong Chợ Quán, lại bị quân địch bắt được. Nguyễn-văn-Huệ bảo rằng: « Xưa người tử giả ta đi tìm Chúa cũ, ý muốn ra tay xoay chuyển can khôn; nay lực kiệt thể nguy, mà mạng trời đã định dành có chỗ; kẻ tuân-khiết nếu chẳng biết thời-vụ, ắt phải hồi hận về sau. Bây giờ khừ tự tại đường, người tính thế nào? » Tĩnh trả lời rằng: « Chúa nhục thì tôi chịu chết, ấy là bốn phận, còn phải nói gì. » Huệ bảo hãy cho ông ta trọn tiết, bèn giết chết. (25)

Phò Saigon, cách phía nam Trần 12 dặm, ở hai bên quan-lộ; ấy là một đường cái lớn, lại có 3 đường thẳng dọc đến bờ sông, một đường giữa xuyên ngang, một đường thẳng bờ sông; tất cả các đường hợp lại thành hình chữ « điền » (田). Hàng phố liền nhau, người Tàu người Việt ở xen lẫn, dài rộng 3 dặm; buôn bán gấm vóc, đồ sứ, hàng giấy, hàng nữ-trang, hàng sách, hàng thuốc-bắc, hàng trà, hàng bánh, các hàng nam bắc, hàng Tàu, hàng Ngoại-quốc, không thiếu một món gì. Đầu phía bắc đường lớn có miếu Quan-thánh của bán-phổ, 3 Hội-quán Phúc-châu, Quảng-đông, Triều-châu ở hai bên tả hữu. Phía tây đường-giữa có miếu Thiên-hậu, nhích về phía tây một ít nữa là Hội-quán Ôn-lãng. Đầu phía nam, đường-lớn, nằm về phía tây là Chương-châu Hội-quán. Những

lương-thần giai-tiết, như Tam-nguyên, sọc, vọng, thì người ta treo đèn kết tụi, đua khéo tranh vui, như cây lửa, như cầu sao, như thành hoa, như hội ngọc; trồng kèn nhện nhíp, nam nữ đua chen, thực là một đô hội huyền ảo, một thành thị rất phấn hoa vậy. Gán đường lớn có giếng xưa, nước ngọt đầy đầy bốn mùa, trên khe nước ngang đường, có bắc một cầu ván lớn; hai dãy phố ngói la liệt, sáo dũ màn giảng; đường phố giữa là chợ An-bình, bán đủ thứ hải-vị sơn-hào, các hóa vật thổ-sản, ban đêm cũng thấp đèn mua bán (26).

Cầu Sơn, ở cách phía bắc Trần 7 dặm, vì thẳng sông có nhiều cây sơn nên gọi tên như thế. Thời ấy phe đảng Tây-sơn Nguyễn-Nhạc là Đô-úy Nguyễn-Trần cứ giữ thành Gia-định; nghĩ rằng trung-thần nghĩa-sĩ của nhà Nguyễn, chắc còn đông người lên lút chờ thời phản động, e chỗ này đất bằng, nhà ở liên bì, không có thành trì, khó phòng ngừa biển cò bắt ngờ xây đèn; chỉ có địa-phương Cầu Sơn, trên có gò cao, giữa có bình-nguyên, dưới tiếp giáp ruộng khô, có ngòi nước chảy quanh, chu vi rộng rãi hơn trăm dặm, bốn mặt giang hà hiểm trở có thể đồn trú được. Năm Bình-tý (1786) Nguyễn-Trần bèn đắp dinh trại ở trên gò cao, nơi bình-nguyên thì xây cất phố xá, lùa các nhà buôn Saigon vào ở. Nguyễn đặt ở đây tháp ướt nước mặn, dân ở rất bất tiện, thời ấy bị uy hiếp, người ta miễn cưỡng theo vào, trải mấy năm cũng không thành nơi đông đúc. Vừa lúc ấy Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ đánh yên Bắc-hà từ ngày tháng 6, lúc trở về, sinh lòng kiêu căng. Tháng giêng năm đinh-mùi (1787), Nguyễn-Huệ nhân ngày doạt binh tề cờ đầu năm, kéo binh bản-bộ vào vây đánh người anh là Nguyễn-Nhạc tại thành Quy-nhơn. Văn-Nhạc kiên thủ thành trì, cáo cấp với Nguyễn-Trần. Trần lưu Tham-độc Trấn-Tú ở giữ Gia-định, tự mình kéo thủy-binh phó viện thành Quy-nhơn. Binh vừa ra đến Tiên-chữ, địa đầu tỉnh Phú-yên, liền bị Văn-Huệ đón đánh bắt được. Nguyễn-Trần đã bại, phủ Cầu Sơn cũng đình nghị, chỉ còn Trấn-Tú xanh-trì yếu-ớt; Định-tướng Vũ-quốc-công, Biên-hòa Nguyễn-văn-Tuyết, Hiệp-lâm Nguyễn-văn-Nghĩa đóng kéo cờ-nghĩa khởi binh, quân-lực Tây-sơn từ ấy càng ngày càng tiêu mòn vậy. Tiên-hãn Văn-Lê-công và Lương-y Phạm-Điền tự chúng định ngày đánh úp lấy đồn Bền-Nghé; nhưng cơ mưu tiết lộ bị Trấn-Tú bắt giết; trung mưu chẳng thành, bỏ mình vì nghĩa, thương thay.

Đường Thiên-ly-cù phía bắc — Lúc đầu mới mở mang bờ cõi, từ phía bắc Cầu-sơn đến Bình-giang, ruộng ao bùn lầy, đường bộ chưa đắp; người đi đường muốn qua Biên-hòa hay lên Băng-Bột đều phải đi dò dọc. Đền Thê-tôn mậu-thin năm thứ 11 (1648), như có biên loạn Cao-miền, Điều-khiển Nguyễn-phúc-Doãn mới cho giảng dây đo đắp làm một con đường thẳng; gặp chỗ sông ngòi thì bắc cầu công, nơi bùn lầy thì đắp đất bồi thêm; từ cửa Càn-chỉ (cửa thành) đến bến đò Bình-đông dài 17 dặm; bờ phía bắc giáp giới Biên-hòa đặt trạm Bình-đông, từ phía bắc qua núi Chiêu-thái đến bến đò Bình-Tiên, qua Bền-Cát, do đường sừ Đổng-Lãm xuống Đổng-môn, suốt đến Môi-xui gọi là Thiên-ly-cù; hệ gặp sông lớn thì đặt đò ngang, phu đưa đò được chức miễn các thứ dao-dịch khác. (27)

Đường Thiên-ly-cù phía tây — Gia-Long năm thứ 14 (1815), ất-hợi, mùa đông tháng 10, Khâm-mạng quan Tổng-trần thành Gia-định khởi đắp, từ phía tây thành, cửa Đoài-duyet, do cầu Tham-lương qua bến đò Thị-Suru, qua chằm Lão-Đông giáp đường sừ Tam-kỳ, qua khe Lãng đến đất Kha-Ba Cao-miền, suốt đến Sông-lớn, dài 439 dặm; gặp sông ngòi thì bắc cầu công, nơi bùn lầy thì bồi đắp thêm đất, xuyên rừng đốn cây, mở đường nghìn dặm, rộng 6 tấc, thực là một con đường lớn cho người đi ngựa chạy đều được yên ổn. Nhưng vì xa xuôi hẻo lánh, dọc đường không có làng mạc; phu trạm đưa thư-tín hay người đi đường, phải liệu tính cho đến trạm để nghỉ ngơi, mới được an ổn. Và từ Kha-ba theo bờ sông đi xuống phía nam 194 dặm đến đồn Lò-Yêm; từ Kha-ba đi lên phía bắc 419 dặm đến sách (làng) Chê-lãng; cũng là đường dụng binh rất quan-yêu vậy.

TRẦN KINH HÒA

PHẦN CHÚ-THÍCH :

(1) Thời-kỳ Quảng-nam Nguyễn-chúa chiếm-cứ Gia-định làm lãnh-thổ, có lẽ bắt đầu từ thời Hy-tôn (Biệt xưng Phật-vương, tức Nguyễn-phúc-Nguyễn, 1613 - 1635). Cứ theo Cao-miền-sử của soạn-giả A. Leclère (Histoire du Cambodge, depuis 1er siècle de notre ère, Paris 1914, P. 339-340), thì năm 1620 Miên-vương Chey-Choettha (1818-28) cưới một bà Công-chúa Quảng-nam làm vương-phi, và bà Vương-phi mặt hoa da ngọc ấy chính là mối liên-lạc trung-gian giữa hai vương-thất Miên-Việt. Năm 1623, Hy-Tôn khiến sứ đến Miên-đó Oudong yêu cầu Miên-vương một miếng đất làm căn-cứ ở miền Nam Cao-miền, và xin mở một đồn quan-ái ở Prey-Kor (tức Saigon) cho tiện việc thu thuế. Miên-

trường không dám kháng cự, thuận y theo lời xin. Về việc này tuy sử Việt-Nam không thấy chép, nhưng cũng đủ nhận thấy sự bắt đầu lấn vào đất Cao-miền của Nguyễn-vương. Từ ấy về sau, các triều Nguyễn-vương lợi dụng tình-thế nội-loạn của nước Cao-miền, mọi việc đều can thiệp vào, ra sức chiếm thủ đất đai. Thái-Tôn (Biệt xưng Hiến-vương, tức Nguyễn-phúc-Tán, 1648-87) Mậu-Tuất năm thứ 10 (1658), tháng 9, Chân-Lạp (tức Cao-miền) Quốc-vương Neak-Angk-Chant (Nặc-Ông-Chân) xâm lấn biên cảnh, Thái-Tôn khiển phó tướng dinh Trần-biên là Tôn-thất-Yên (Thực-lục Tiên-biên quyển 2) chép rằng: Lúc đầu mới mở mang bờ cõi, các nơi ở địa đầu biên giới gọi là Trần-biên. Theo bút-giả, Trần-biên ở đây chắc chỉ Phú-Yên) vào nam đánh dẹp, bắt Neak-Angk-Chan đem về. Thái-tôn tha tội, khiển quân hộ-tông về nước; khiển làm phiên-thần lo chức công hàng năm (Thực-lục Tiên-biên quyển 2); từ ấy Cao-miền thân thuộc Quảng-nam và Xiêm-la (Gia-định-Thông-chí Cương-vực-chí, mục Phiên-an-trần) cũng chép việc này, và phụ thêm rằng: "Thời ấy, địa đầu Gia-định, hai xứ Moi-Xui (tức huyện Phúc-chánh, tỉnh Biên-hòa sau này) và Don-nai (tức Biên-hòa) đã có lưu-dân Việt-Nam ở xen lẫn với dân Miên, mở mang đất ruộng; Cao-miền sợ oai đức Triều-dinh, nhường lánh đi nơi khác, không dám tranh trở." Thái-tôn giáp-dần năm thứ 26 (1674), vương-tộc Cao-miền Neak-Angk-Chey làm phản, đánh úp Saigon, Quốc-vương Neak-Non chạy xuống nương náu dinh Thái-Khương (tức Khánh-hòa ngày nay). Thái-tôn khiển hai tướng họ Dương và họ Lâm đem quân đánh lấy lại Saigon, tiền đánh Nam-vang (Phnom-Penh), Neak-Angk-Chey chạy trốn, Tôn-tộc Angk-Saur (Nặc-Thu) ra hàng. Thái-tôn bèn phong Angk-Saur, thuộc về dòng đích, làm Chánh-quốc-vương, đóng thành tại Long-úc (Thông-chí gọi Vũng Rông, đều chỉ Oudong); phong Neak-Non làm nhị-quốc-vương, đóng tại thành Saigon; đóng coi việc quốc chánh, lo triều-công hàng năm (Thực-lục Tiên-biên quyển 5).

Thái-tôn kỷ-mùi năm thứ 31 (1679), tàn-dàng của họ Trịnh, ở Đài-loan, bọn Dương-ngạn-Địch, (tức Dương-Nhị), Hoàng-Tiền, Trần-thượng-Xuyên đem hơn 70 chiếc thuyền, quân-sĩ, quyền-thuộc hơn 3000 người, vào ở Biên-hòa và Mỹ-tho. Nhị-vương Neak-Non bèn đề-huế với bọn quân-đội người Tàu ấy, liên hiệp đánh Chánh-vương. Nguyễn-vương lợi dụng nội-loạn của nước ấy, động binh xâm chiếm đất đai; do đó cương vực của Quảng-nam càng ngày mở rộng, người Tàu và người Việt qua lại, ngày càng thêm đông; Hiến-vương (tức Minh-vương, Nguyễn-phúc-Châu 1691-1725) nhơn đó đặt phủ Gia-định. Thực-lục Tiên-biên (quyển 7), mục tháng 2, Hiến-tôn năm thứ 7 chép rằng: "Bắt đầu đặt Gia-định-phủ, khiển Thông-suất Nguyễn-hữu-Cảnh kinh-lý Chơn-lạp, chia đất Đông-phò (tiếng gọi chung dải đất sông Sài-gòn ngày nay), lấy xứ Đông-Nai làm huyện Phúc-long, dựng Trần-biên-dinh (tức Biên-hòa ngày nay), xứ Sài-gòn làm huyện Tân-bình, dựng Phiên-trần-dinh (tức nay Gia-định). Mỗi dinh đều đặt Lưu-thủ, Cai-bộ, Ký-lục và cơ-đội-thuyền, có thủy-binh, tinh-binh, thuộc-binh; mở đất thêm nghìn dặm, được dân-số hơn bốn vạn; bèn chiêu mộ lưu-dân từ Bô-chính (nay Hà-tĩnh) trở vào Nam đến ở cho đông, thiết lập xã thôn phường ấp, chia biệt giới hạn, khai khẩn điền thổ, định lệ sưu thuế, tu bộ tịch đình điện; và những người Tàu đến buôn bán ở Trần-biên, lập làm Thanh-hà-xã, ở Phiên-trần, lập làm Minh-hương-xã, từ đây khách-trú người Tàu đều biến vào hộ-tịch vậy." Hiến-tôn mậu-tý năm thứ 17 (1708), Mạc-Cửu quy thuộc

Quảng-nam, nhiệm chức Tổng-binh trấn Hà-tiên; từ ấy oai-danh Chúa Nguyễn đi xa đến Vĩnh-Xiêm-la. Túc-tôn (lại xưng Ninh-vương, tức Nguyễn-phúc-Thụ, 1725-38) kế lên ngôi, cho rằng thuộc hạt Gia-định xa xuôi, về mặt quân-sự cần phải có một cơ-quan thông suốt, bèn vào khoảng Tân-Hợi năm thứ 6 (1731), mới đặt chức Điều-khiển, biệt thiết nha-thự ở phía nam Trần-biên dinh, gọi là Điều-khiển-dinh, để thông-suất quân-sự các dinh Gia-định (Thực-lục Tiên-biên quyển 9). Qua năm Nhâm-Tý thứ 7 (1732), Túc-tôn lại lấy cơ địa-thê Gia-định quá rộng, khiển biên-thần chia đất đặt Định-viên-châu, dựng Long-hồ-dinh (tức nay tỉnh Vinh-long) (Thực-lục Tiên-biên quyển 9). Đền thời Thê-Tôn (lại xưng Vũ-vương, tức Nguyễn-phúc-Khoát, 1738-65) chính-thức đăng vương vị (tức 1744), Cương-vực toàn bộ của chúa Nguyễn, kể có 12 dinh, mà thuộc bộ phận Nam-kỳ đã có 3 dinh, Trần-biên, Phiên-trần và Long-hồ; Hà-tiên biệt-lập làm một trấn do Đô-đốc Mạc-thiên-Từ quản lãnh (Thực-lục Tiên-biên quyển 10).

Binh-Tý năm thứ 18 và Đinh-Sửu năm thứ 19 (1756-57), Thê-tôn lại can thiệp việc Cao-miền; kết quả, Nguyễn-vương thâu lấy được đất các xứ Tầm-bôn, Lôi-lạp và Tầm-Phong-long; rồi thì đem dinh Long-hồ dời đến Tầm-bôn (tức tỉnh-lý Vinh-long), đặt Đông-khẩu-đạo ở xứ Sadéc, Tiên-giang đặt Tân-châu-đạo, Hậu-giang đặt Châu-độc đạo, lấy binh dinh Long-hồ trấn áp các nơi ấy. (Thực-lục Tiên-biên quyển 10). Đồng thời, Mạc-thị cũng tại địa-phận 2 xứ Cà-mâu và Rạch-giá, phân biệt lập Long-xuyên-đạo và Kiên-giang-đạo. Duệ-tôn (tức Nguyễn-phúc-Thuần 1765-77), kế lập, tháng 2 Nhâm-Thìn năm thứ 7 (1772), lại khiển tinh-thần Gia-định lấy xứ Mỹ-tho lập đạo Trường-đôn (tức nay tỉnh Định-trương), đặt Cai-cơ và Thư-ký để cai-trị (Thực-lục Tiên-biên quyển 11). Từ đó địa vực từ Hậu-giang (fleuve postérieur) sông Cửu-long ra đến phía đông, đều thuộc về Chúa Nguyễn.

Năm 1773, ba anh em Nguyễn văn Nhạc, văn Lữ, văn Huệ người thôn Tây sơn, phủ Quy-Nhơnđịa, gây thành cuộc Tây sơn đại-loạn, binh Nguyễn-Vương đánh mãi không yên. Qua năm sau (1774), Bắc Kỳ Chúa Trịnh lợi-dụng tình thế rối loạn, đem quân vào Nam, kinh đô Phú-Xuân (tức Huế) của Chúa Nguyễn thất thủ, Duệ-tôn chạy vào Gia-định. Tháng 9 năm Đinh-dậu (1777), Duệ-tôn bị Tây-sơn Nguyễn-văn-Huê sát hại, bản đồ Nam-kỳ của Chúa Nguyễn về tay người khác, Hà-tiên Đô đốc Mạc-thiên-Từ cũng chạy qua Vọng-Các, kinh đô Xiêm la, nương náu với Trịnh-Chiêu.

Tháng 12 năm Đinh-Dậu (1777), bọn Đồ thành Nhơn khắc phục Gia-Định, qua năm sau, Mậu Tuất (1778) tháng giêng, tôn Nguyễn phúc Ánh (tức Gia-long) làm Đại nguyên-soái quyền nhiếp quốc chánh để lo khôi phục cơ đồ nhà Nguyễn; tháng 11 năm ấy, Phúc Ánh hoạch định bản đồ các dinh Gia-định, chia địa giới ba dinh Trần-biên, Phiên-trần và Long-hồ cho liên-lạc với nhau. Thời ấy, hoạch định xứ Nam-kỳ như sau:

Dinh Trần-biên: lãnh một huyện (Phước-long) và 4 tổng (Tân chánh, Bình-an, Long thành và Phước an).

Dinh Phiên-trần: lãnh một huyện (Tân bình) và bốn tổng (Bình dương, Tân-long, Phước-lộc và Bình-thuận).

Dinh Long-hổ sau cải làm dinh Hoàng trấn, (năm 1780 lại cải làm Dinh Vinh trấn) lãnh một châu (Định viễn) và ba tổng Bình-an, Bình dương và Tân-an).

Đạo Trường-dồn sau cải làm dinh Trường đồn (năm 1781 lại cải làm dinh Trần-định, tức tỉnh Định-tường ngày nay), lãnh một huyện (Kiên an) và ba tổng (Kiên đặng, Kiên hưng, Kiên hòa).

Các dinh vẫn đặt Lưu-thủ, Cai-bộ và Ký lục để quản trị (Thực lục Chính-biên đệ nhất kỷ, quyển 1).

Năm Canh thân ?(1800), vua Gia-long lấy Mạc tử Chiêm (con của Mạc Thiên Tứ) làm Hà-tiên trấn-thủ. Thời ấy trấn Hà tiên bị người Xiêm không chẻ, vì thế chúa Nguyễn chỉ thâu phục hai đạo Long xuyên và Kiên giang, trước thuộc Hà tiên, khiến dân hai đạo ấy nạp thuế vào dinh Vinh-trấn (Thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 12).

Gia Long năm đầu (1802) tháng 3, Nguyễn quân thâu phục thành Quy nhơn, đổi Gia định phủ làm Gia định trấn (Chính biên đệ nhất kỷ, quyển 16); tháng 6 năm ấy thâu phục Bắc kỳ; đến đây loạn Tây sơn dẹp yên, Việt nam mới hoàn toàn thống nhất. Gia long năm thứ 7 (1808) tháng giêng, vua Gia-Long thay địa thế Gia định rộng lớn, khiến Đình thần hội nghị sửa sang lại, bèn đổi Gia-định-trấn làm Gia-định-thành, Phiên-trần-dinh làm Phiên-an-trấn, Biên-trấn dinh làm Biên hòa trấn, Vinh trấn dinh làm Vinh-thanh-trấn, Trần-định-dinh làm Định-tường trấn; các thuộc huyện của trấn đổi làm phủ, tổng đổi làm huyện và hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang, đổi làm Long-xuyên huyện và Kiên-giang huyện, mỗi huyện có hai tổng lệ thuộc (Chính biên đệ nhất kỷ quyển 34).

Gia long năm thứ 9 (1810) lấy Nguyễn văn Thiện làm Hà-tiên Trấn-thủ, đồng thời lấy hai huyện Long-xuyên, Kiên giang cho lệ thuộc trấn Hà tiên; từ đây trấn Hà tiên thuộc về trực hạt lãnh-thổ của Triều Nguyễn. Lúc bấy giờ, thành Gia-định thông thuộc cả năm trấn: Phiên-an, Biên-hòa, Vinh-thanh, Định-tường và Hà-tiên, nghĩa là cả toàn bộ Nam-kỳ hiện nay.

2) Duệ Tôn Quý Ty năm thứ 9 (17713), tháng 7 người làng Tây sơn, huyện Phú-ly, Qui-Nhơn, là Nguyễn văn Nhạc cùng với hai em là Văn Lữ, Văn Huệ, lấy tiếng muốn tảo trừ Quốc Phó Trương-phúc-Loan, khởi binh chiếm cứ thành Qui-Nhơn, gây nên cuộc loạn Tây sơn rất nổi tiếng trên lịch-sử Việt-Nam Cận-đại. Lúc bấy giờ, các lãnh tụ Hoa-kiểu bọn Tập Đình (tức Lý-a-Tập) và Lý-Tài đều đua nhau tổ chức binh đội hưởng ứng theo; Nguyễn quân mấy lần vào đánh đều thất bại; đến cuối năm ấy, các dinh trấn từ Quảng nghĩa đến Bình thuận đều lọt vào tay Tây sơn. Qua tháng 5 năm sau (1774), Bắc kỳ Trịnh vương (tức Trịnh Sum) thừa lúc Quảng Nam đại-loạn, bèn khiển tỳ tướng Hoàng-Ngũ-Phúc kéo quân vào Nam; Chúa Nguyễn không rảnh tay phòng bị phía bắc, quân họ Trịnh, sau khi liên hãm mấy châu Bồ chính, Quảng bình, đến tháng 12 năm ấy, Đình Mùi (tức 29-1-1775 dương lịch) đánh chiếm kinh-thành Phú-xuân của Nguyễn-vương. Duệ Tôn với cả tôn-tộc họ Nguyễn chạy vào Quảng-Nam; chừng ấy theo yêu-cầu của Tây sơn, phải lập người cháu kêu bằng chú tên Dương, lên làm Đổng cung

cho thỏa nguyện vọng của dân chúng. Tháng 2 năm ất mùi, (1775) Duệ Tôn lại dời khỏi đất Quảng Nam. Tháng 2 ngày Nhâm-Dán (25-3-1775) chạy vào Bèn-Nghé (Nguu-chữ, tỉnh lý Gia-Định) Gia-định. (Xin xem Thực lục Tiến biên quyển 12; L. Cadière, Le mur de Đông-hoi, B.E.F.E.O. t Vê, P. 237-242).

(3) Trong khoảng từ tháng 3 năm Đinh Dậu (1777) sau khi Tây-sơn chiếm-cứ Gia-định, đến tháng 8 năm Mậu-thân (1778) thành Gia-định phải mấy phen đổi chủ. Nguyễn quân tháng 12 năm Đinh Dậu (1777) thâu phục Gia-định, nhưng đến tháng 3 năm Nhâm Dán (1782) lại bị thất thủ; tháng 8 năm ấy (1782), Nguyễn quân lần thứ hai thâu hồi Gia-Định, nhưng qua tháng 2 năm Quý-Mão (1783) lại lọt vào tay địch; tháng 8 năm Mậu Thân (1788), ngày Đinh dậu (tức 7-9-1788), Nguyễn phúc Ánh (Gia-Long) mới khôi phục vĩnh viễn Gia-định; như thế sử thư Nguyễn triều xưng làm « Mậu thân trung hưng ». Thành-trì-chí trong mục này chép « Thê-tô » tức là tôn-hiệu của vua Gia-Long Nguyễn-phúc Ánh. Mậu-thân năm thứ 11 (1788) Thực lục chính-biên đệ-nhất-kỷ (quyển 3) chép làm Mậu-thân năm thứ 9. Xét Thực-lục chính-biên lấy tháng 5 năm Nhâm Tuất ngày Nguyễn phúc Ánh thông nhất ba kỳ lên ngôi đặt niên hiệu, làm « Gia-Long nguyên niên », mùa xuân năm mậu tuất (1788), ngày Phúc Ánh quyền nhiếp quốc-chánh làm « Mậu tuất nguyên niên »; và mùa xuân năm Canh Tý (1780), ngày tức vương vị làm « Canh tý hữu nguyên niên »; mặt khác Gia-định thông chí thì không lập « Canh tý hữu nguyên niên », mà thông toán từ « Mậu tý nguyên niên », cho nên niên-sở của hai bên có hai năm sai biệt. Về kỷ niên của các triều đại Quảng-nam từ Duệ tôn trở về trước, so sánh Thực lục Tiến-biên với Gia-định thông chí cũng sai biệt nhau một năm, nguyên nhơn vì Thực lục lấy sau ngày kể vị một năm làm « Nguyên niên », mà Thông chí thì lấy năm tàn-vương kể lập làm « nguyên niên ».

(4) Thực lục chính-biên đệ nhất kỷ (quyển 36), mục tháng 9 Gia-Long năm thứ 7 (1808) chép rằng: « Bắt đầu đặt Gia-định thành Tổng trấn, triệu Nguyễn văn Trương về, lấy Nguyễn văn Nhơn làm Gia-định Tổng trấn, Trịnh-hoài Đức làm Hiệp-tổng trấn, ban ấn Tổng-trấn thành Gia-Định ».

(5) Sơn xuyên chí, mục sông Tân-bình, trấn Phiên-an chép rằng: « Sông Tân-bình ở trước thành Gia-định, địa phận phủ Tân-bình, tục gọi sông Bèn-Nghé, rộng 142 tầm, sâu 10 tầm, nước ròng kiệt còn 13 thước; rộng rãi trong sáu, tàu buôn bản-quốc và các nước tới lui, thuyền biển thuyền sông, cột buồm tấp nập, thực là một nơi đại-đô-hội ».

(6) Thực-lục chính-biên đệ-nhất-kỷ (quyển ba) mục tháng 12 Mậu-Thân năm thứ 9 (1788) chép rằng: « Xây nhà kho 4 dinh, như nền cũ nhà kho lọt là trước, làm rộng thêm ra, thâu trữ lúa thuế của 4 dinh; lúa thuế hai đạo Long-xuyên và Kiên-giang phụ nạp vào kho dinh Vinh-trấn ». Nay xét hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang nguyên thuộc Hà tiên của Mạc thị; từ năm 1777, sau khi thất thủ Nam-kỳ, Hà-tiên lúc thì thuộc Xiêm la, lúc thuộc Tây sơn, lúc thuộc nhà Nguyễn. Đến tháng 3 năm kỷ Dậu (1789) Xiêm Vương đưa Mạc công Bình (cháu Mạc thiên Tứ) trở về Việt-Nam, cho ở Hà-tiên, Nguyễn-dinh thầy Hà-tiên sau con bình-hóa, nhưn vật tiêu diêu, bổ nhiệm Công Bình làm Long-xuyên Trấn-thủ; chưa bao lâu, Công Bình đau chết, bèn đổi sai quan khác chia quản hai đạo Long-xuyên, Kiên-giang, còn trấn Hà-tiên tạm thời bãi bỏ. (Xem bài « Hà-tiên

trần Hiệp-trần Mạc thị gia-phả chú-thích của bút-giả, đăng trong Văn-sử Triết học-báo, kỳ thứ 7, trang 131-132).

(7) Về tên Nguyễn Lê, Gia-dịnh thông chí, cương-ực-chỉ chép làm Lê thành Hầu, Thành-trị-chỉ lại chép làm Nguyễn-phúc Lê, nhưng Thực-lục tiền-biên thì chép làm Nguyễn-hữu-Cảnh. Cũ Thực-lục tiền-biên (quyển 7) chép như sau: Hiền-tôn kỷ-mão năm thứ 8 (1699) tháng 7, Cao-miên-vương Nặc-Thu làm phản, đắp các lũy Bích đối, Nam-vang, Cầu nam, cướp bóc dân buôn; tướng Long môn Trấn-thượng-Xuyên tâu tự-sự về triều-đình. Mùa đông tháng 10, Hiền tôn sai Nguyễn hữu-Cảnh làm Thông-suất, lãnh binh hai dinh Bình-Khang, Trấn-biên và bảy thuyền thuộc binh Quảng-nam hợp với tướng-sĩ Long-môn (tức bộ đội người Tàu theo Dương ngạn-Địch và Trấn-thượng-Xuyên đến thấp cư Mỹ-Tho và Biên-Hòa) kéo lên đánh. Tháng 2, canh Thìn năm thứ 9 (1700), Nguyễn hữu Cảnh đem binh các đạo vào Cao-miên, đóng ở Ngự-kê, khiến người dò xem hư thực. Tháng 3, bộ-đội Trấn-thượng-xuyên làm tiên phong tiến sát thành Nam-vang, Nặc Thu bỏ thành chạy, Nặc Yêm (con của Nhị-vương Neak Non) ra hàng; Trấn-thượng-Xuyên và Nguyễn-hữu-Cảnh vào thành an vỗ cư-dân. Tháng 4, Nặc Thu đến cửa quân đầu hàng, xin lo sửa chức công; từ ấy chính cục Cao Miên lại được ổn định.

(8) Phong tục chí, mục Ngũ-trần, Phiên-an-trần, chép rằng: Kê sĩ trọng danh tiết, tục chuộng xa hoa, văn vật, phục sức, khí dụng phẩm nhiều giồng Trung quốc. Hai huyện Bình dương, Tân long, cư dân đông đúc, phố xá liên lạc; nhà ruộng, nhà ngôi, dây dây liên nhau; nhiều người nói thạo tiếng Phúc-kiến, Quảng-đông, Triều-châu, Hải-nam, các nước Tây dương, Xiêm-la; tàu thuyền ngoại-quốc qua lại buôn bán liên liên, tập hợp đủ trăm thức hàng hóa, thực là một nơi đại-dô-hội thành Gia-Định, cả nước không nơi nào bằng; tập quán bán buôn, phần nhiều là hạng người thị tinh du đảng; kẻ ở thuyền gọi là dân giang hồ, những kẻ khách quán tự gọi là dân tứ chính (nguyên chú: Chính là chính, ý nói chính khách bèo nước bốn phương, họp lại thành đông đúc). Chợ Bình-an có tiếng là ở kê cấp, dân hai huyện Phước-lộc Thuận-an, 9 phần làm ruộng, một phần đi buôn, tập tục chặt phác.

(9) Miêu Hội-đồng tại Phiên-an-trần, tháng 9 năm Bình-thìn (1796) có tu bổ một lần (Chính biên đệ-nhất kỷ, quyển 8).

(10) Nguyễn quân đầu phục Qui-nhon (sau đổi tên Bình-định), chính biên đệ nhất kỷ (quyển 10) chép làm tháng 5 năm kỷ mùi (1799); văn chép rằng: Quân ta khác phục thành Qui-nhon, Tặc Thái-phủ Lê-văn Ứng đã bại trận, trong thành bình lương đều hết, Tặc Đại Tổng-quản Lê-văn Thanh, Binh-bộ Thượng-thư Nguyễn-đại-Phác (tức Nguyễn-Phác) chép ở mục này trong Thành-trị-chỉ, Thiệu uy Trương-tiền Túy xin dựng thành hàng; mà Chính-biên đệ-nhất-kỷ (quyển 11) mục tháng 9 năm ấy thì chép rằng: Vua sắp về, khiến Chương Hậu-quân Vũ-Tĩnh thông linh bàn dinh... hợp với Lê-bộ Ngô-tòng Châu lưu trần Bình-định thành. Tên Nguyễn-Điệu, Chính-biên đệ-nhất-kỷ chép làm Trấn-quang Diệu. Nguyễn quân quang phục Cựu-kinh (Phủ-xuân) vào tháng 5 năm Tân-Dậu (1081). Về chi-tiết quân Tây-Son vây thành Bình-định và Vũ-Tĩnh, Ngô-tòng Châu tứ nghĩa, xem chính-biên đệ-nhất-kỷ, mục tháng 12 năm kỷ mùi ở quyển thứ 11, và mục tháng 5 năm Tân-dậu ở quyển thứ 14.

(11) Cán-giờ là một hải-cảng rộng 5 dặm, chiều sâu, nước lên 11 tấc, nước ròng 9 tấc, cách phía đông trấn Phiên-an 142 dặm rưỡi; có Thủ-ngự đạo Cán-giờ, phố chợ đông đúc, dân làm nghề đánh cá; cửa biển sâu rộng an ổn, hàng năm có thuyền buôn ra vào, thực là một hải cảng rất đông đúc của thành Gia-định, không nơi nào bì kịp. (Sơn xuyên-chí, Phiên-an-trần mục Cán-giờ hải khẩu).

(12) Ô-châu-cận-lục (6 quyển), Đại-Việt thông-sứ Nghệ-văn-chí chép làm Ô-gia (châu?) cận lục và chua rằng: Mạc (triều) Dương-văn-An soạn, chép sơn-xuyên thành quách phong thổ hơn vật xứ Thuần-hóa; tuy văn có nhiều chỗ phụ hội, khen chê không đúng; nhưng cũng khá bổ ích về nhất-phương-quận-chí. Bài tự-tựa của Dương-văn-An thầy chép trong Lịch-triều-hiến-chương loại-chi của Phan-huy-Chú, quyển 45, Truyện ký-loại.

(13) Sự-tích Hòa nghĩa đạo Lý-tướng-quân, xin xem ở đoạn sau, Biên-hòa-trần-ký, mục Giang-lũy và mục Tân-bản-kiểu, chú-văn (35) và (50).

(14) Gia-Long năm thứ 12 Đinh-dậu, chắc là năm Quý-dậu (1813) viết nhảm. Cao-hoàng hậu là vợ chánh của vua Gia-Long, bà Thừa-thiên Cao-Hoàng-hậu họ Tống, trước xưng Nguyễn-Phi, sinh năm 1780, sinh Hoàng-tử Cảnh (tức Anh duệ Hoàng-Thái-tử mất năm 1801); sau ngày vua Gia-Long xưng đế, cải xưng Cao Hoàng-hậu, mất năm thứ 13 Gia-Long (1814).

(15) Đại-nam nhất-thông-chí, mục Tự-quán chép chùa này tọa lạc tại địa-phận xã Phú-mỹ huyện Bình-dương.

(16) Hiền-tôn năm thứ 7 (1693) mới đặt Gia-Định-phủ, lấy khách buôn người Tàu ở Trấn-biên, lập làm Thanh-hà-xã; ở Phiên-trần lập làm Minh-hương-xã (xem chú-văn 1). Lý Thụy-long đã là người xã Minh-hương thì rõ ràng y là một nhà buôn lớn người Tàu. Cứ theo số điều tra năm 1931, thì năm ấy tổng số Minh-hương ở Nam kỳ ước 73.000; chia ra như sau:

Sóc trắng:	13.000 người.
Bắc liêu:	11.000 người
Trà-vinh:	8.500 người
Cán-thơ:	4.000 người
Rạch-giá:	4.000 người
Hà-tiên:	3.000 người

(Xem V. Purcell, The Chinese in South-east Asia, P. 217).

(17) Đại-nam Liệt truyện tiền-biên (quyển 6) cũng có truyện Viên-quang, Văn chép cũng giồng mục này.

(18) Chợ Cưng-dung và đoạn dưới Phố Bền-thành, Phố Rạch-bền, Chợ Điều-khiển, Chợ Nguyễn-Thực và Chợ-Quán đều thầy chép ở Đại-Nam Nhất-thông-chí, mục Gia-định-tỉnh Thị-diêm; văn chép cũng lược đồng, xin khỏi chép lại.

(19) Chính biên đệ nhất kỷ (quyển 9) chép việc đúc tiền Gia-hưng-thông-bửu vào mục tháng 12 năm Bình-thìn thứ 17 (1796).

(20) Chợ Điều-khiển lại xưng Chợ Bền-Nghé. Dinh Điều-khiển Túc-tôn tân-hội năm thứ 6 (1731) mới đặt. (Xem chú-văn 1).

(21) Việc năm Tân-hợi (1731) Trạch-Tốt, người Lào, dền cướp Gia-định, cũng thấy chép ở Thực-lục Tiến-biên quyển 9, nhưng chép đơn-giản hơn. Cai-cơ Đạt-thành-Hầu, khuyết không biết họ chi. Nguyễn-phúc Triêm, Thực-lục tiến biên chép làm Nguyễn-cửu Triêm. Định-sách hầu Trần-đại-Định là con của Trần-thượng-Xuyên. Trần-thượng-Xuyên người Quảng-đông, năm 1679 cùng với bọn tướng ta của họ Trịnh Đái-loan là Lê thành-Trần Tông-binh Dương-ngạn Địch, Hoàng-Tiền, suât hơn 70 chiếc thuyền, hơn 3000 binh-sĩ và quyền thuộc qua nương tựa Nguyễn-vương Thái-tôn, và định-cư tại Đại-phổ châu Biên-hòa. Anh-tôn (lại xưng Nghĩa vương tức Nguyễn-phúc-Tân, 1687-91) mặt-thần năm thứ 6 (1688), Hoàng-Tiền giết chủ-tướng Dương-ngạn Địch ở cửa biển Mỹ Tho, nhưng năm sau bị Nguyễn-quân đánh úp giết chết. Về sau Trần-thượng-Xuyên thay lãnh quân-đội Long-môn (tức quân đội Tàu theo các ông Trần, Dương Hoàng dền Việt-Nam) chiếm cứ đảo Công Mã (Chú giả xét: có lẽ tức Cù-lao Róng ở Cửa Tiểu thuộc Tiền-giang sông Mê-Kong) ở cửa sông Mê-Kong, một mặt không chẻ đường vận-tài trên sông Mê-Kong, một mặt liên-hiệp với Nguyễn quân kinh lý Cao-Miên; dền năm 1715 đau chết. (Sở tịch thấy chép ở Thực-lục tiến biên quyển 6 và quyển 7 và Hoa-di biên-thái quyển 17, 19, 20 và 26). Sau khi Trần-thượng-Xuyên chết, con là Đại-Định nhiệm chức Thông-binh triều Nguyễn, thay cha thông suât bộ-đội người Tàu. Thành-tri-chí ở mục này chép rõ đầu đuôi việc Đại-Định bị oan mà phải chết. Đại-Định lấy con gái Mạc Cửu, Tổng binh Hà-tiên, làm vợ (tức em gái của Thiên-Tứ), sau ngày Đại-Định chết vợ con dời về ở Hà-tiên, nương nhờ Thiên-Tứ. Con của Đại-Định là Văn-Phương sau làm Hà-tiên Thắng-thủy đội Cai-đội (tức phong Tài-Hầu), Duệ-tôn Đinh-hội năm thứ 2 (1767), vàng mạng Thiên-Tứ độc quân qua trần giữ địa-đầu Xiêm-la xứ Chantaboun, chẳng bao lâu bị bệnh rồi tử trận (Xem Hà-tiên trần Hiệp-trần Mạc thị gia-phả chủ-thích của bút giả, đăng trong Văn-sử-triệt học báo, kỳ thứ 7, trang 104-105).

(22) Giao-ba-Yêm, Thực-lục tiến-biên (quyển 9), ở mục tháng 10, Bình-thần năm thứ 11, chép làm Nặc-Yêm, và chỉ chép vắn tắt rằng: • Chân-lạp Nặc-Yêm chết, Nặc tha xin mạng-lệnh Triều-đình, bèn phong Nặc-Tha làm Chân-lạp Quốc-vương).

(23) Thực-lục tiến-biên (quyển -10), ở mục Thê-tôn mặt-thần năm thứ 10 (1748) chép rằng: • Tháng giêng, khiến Nguyễn-hữu Doãn (tức Nguyễn-phúc-Doãn trong Thành-tri chí) đánh Chân-lạp, dẹp yên được. Trước đây Chân-lạp Nặc-Tha được lập, Nặc Thâm từ Xiêm-la về, Tha không tiếp nạp, Thâm cử binh đánh Tha, Tha chạy xuống Gia-Định, Thâm bèn chiếm cứ đất nước. Kịp dền ngày Thâm chết, bọn con y là Đôn, Hen, Yêm dánh ngôi, một người tôi tên Sô-Liên-Tộc nhơn cơ-hội làm loạn, dánh cướp Mỹ-Tho. Hữu-Doãn tiên binh dánh bại Sô-liên-Tộc, dốt hết cả chiến-thuyền, thừa thắng thẳng dền Nam-Vang, Đôn, Hen, Yêm chạy trốn, Hữu Doãn báo tin thẳng trận về Triều-Đình, bèn khiến đưa Nặc-Tha về nước; mùa hạ tháng 6, Chân-lạp Nặc-Nguyên (con thứ hai của Nặc Thâm) cùng bọn Cao-la-Hâm-ôc Đột-Lục-Mãn viện binh Xiêm về dánh Nặc-Tha; Nặc-Tha lại chạy xuống Gia-định rồi đau chết. Nặc-Nguyên bèn xưng vương.

(24) Nặc-Địch tức Nặc-Tha ở bài trên. Khoảng tháng 6 năm Mậu-thần (1748) chạy xuống nương Gia-Định.

(25) Đầu đuôi việc Duệ-Tôn chạy vào Gia-Định, xem chú-vấn 2 • và 35 •. Nguyễn Tinh, Thực-lục tiến-biên (quyển 12) chép làm Nguyễn-dăng Trường. Việc thấy chép ở mục tháng 4 năm Đinh-dậu thứ 12 (1777) cũng ở trong quyển ấy.

(26) Việc chép ở mục này là trạng huống cụ-thể của Sài-gòn khoảng đầu thế-kỷ 19. Xét thấy Saigon thành nơi trung-tâm buôn bán của Hoa-kiểu, hiển-nhiên từ ngày Tây-Son khởi loạn trở về sau. Cú Gia-Định thông chí, son-xuyên chí, ở mục Biên-hòa trần chép rằng: • Lúc đầu mới mở mang Nam-kỳ, Hoa-thương tập-trung ở cồn Đại-phổ giữa sông Nông-nãi phía đông-nam Trần Biên-hòa ngày nay •. (Xem đoạn dưới Biên-hòa trần, mục Nông-nãi Đại-phổ và chú-vấn 46). Từ năm 1649, sau ngày dền tháp-cư của người Minh, bọn Trần-thượng-Xuyên, Đái-phổ-châu (Cù lao Phò) càng ngày càng phát-triển, cho dền ngày Tây-son dầy loạn, nơi ấy trở nên trung tâm thương-nghiệp xứ Nam-kỳ. Kịp dền năm 1775, sau ngày Nguyễn Vương lãnh chạy khỏi xứ Nam-kỳ, Quân nhà Nguyễn thường hay tập hợp ở Gia-Định; bao nhiêu thuyền buôn, một mặt vì lợi-ích thương-nghiệp, một mặt vì tránh sự cướp phá của quân Tây-Son, dần dần dời tập hợp về bên sông Tân-binh, và sông Bền-Nghê (lại gọi Ngưu-chữ, Ngưu-tản (牛) hoặc Ngưu tân (新) chỉ-lưu của sông ấy, Hoa-kiểu cũng kéo nhau dời xuống ở thàng bờ các sông nói trên, ấy là ngày bắt đầu Sài-gòn trở nên đô hội. Từ đó về sau, trong vòng mấy năm, dân số Sài-gòn cũng tăng lên vùn vụt. Chẳng may cho Hoa-kiểu ở xứ ấy, trong năm 1782, gặp phải một tai nạn xưa nay chưa từng có. Gia-Định thông chí, Son-xuyên-chí, mục vườn Phú-lũ (vườn Trầu), Trần Phiên-an chép rằng: • Thê-tô Cao-Hoàng-dề nhâm dấn năm thứ 5 (1782) mùa xuân tháng 3, giặc Tây son Nguyễn-văn-Nhạc kéo quân thủy bộ vào dánh cướp, Gia-Định thất thủ. Tháng 4, bộ-binh của giặc từ trần Biên-hòa do đường thượng kéo qua trần Biên-an; thời ấy Quan-binh Tiết-chê ngoại hữu Chương-dinh Dũ-Quận-Công Nguyễn Suât, Bắc hà Biệt tướng Chử-thuật hầu, Hòa nghĩa đạo-Tướng-quân, Chương-mỹ hầu Trần-công Chương, đương trở về lo việc khôi phục bỗng gặp đội binh đi trước của giặc vừa dền địa phương Vườn Trầu, các ông bèn núp vào rừng rồi ủa ra chặn dánh, Chử., Chương giết được Đại-tướng của giặc là Hộ-giá Ngạn. Đại-binh của giặc kể dền, quan-binh thòi lui. Nguyễn-văn Nhạc nghe báo Hộ-giá Ngạn tử trận, rất lầy làm thương tiếc như mất một cánh tay; Nhạc cho Hòa-nghĩa quân đều là người Tàu, bèn trút giận lên cả Hoa-kiểu; truyền lệnh bắt hơn vạn người, phạm người Tàu bắt luận mới dền hay dền đã lâu, nhà binh hay nhà bốn, đều nhất luật tận sát; từ sông Bền-Nghê dền Sài-gòn, thấy chắt ngồn ngang, vát đáy sông, ngòi, dền dổi nước ứ không chảy; suốt 2, 3 tháng, tôm cá không ai dám ăn. Những hàng Tàu như số sa, trà thuốc, hương giấy v.v... ai có cất trong nhà, đều vát cả ra đường không ai dám lượm. Năm (1783), một cán trà xau, giá lên dền 8 quan, một cây kim giá một tiền, những món hàng khác cũng vậy, người ta rất lầy làm khổ. Kịp dền năm Bình-ngọ (1768), Tây son Thủ-tướng Nguyễn Trần lại ở trung-thần nghĩa sĩ của nhà Nguyễn lẩn núp trong các nhà buôn Tàu bèn ra lệnh lừa cả về ở Cầu-Son (Xem mục Cầu-son ở đoạn dưới).

Cho dền tháng 8 năm mặt-thần (1788), Nguyễn quân khác phục Gia-định, Sài-gòn mới khôi-phục được sự phồn-hoa của ngày xưa. Mà Sài-gòn có tên gọi là Chợ-lớn, hình như bắt đầu từ Gia-Long năm thứ 12 (1813), sau ngày Lê-văn-Duyệt nhiệm chức Gia-định Tổng-trần (Xem J. Bouchot, Notes historiques sur Cholon, Extrême-Asia, Revue indochinoise, ; 23, mai 1928, P. 582). Về tình hình

các thuyền buôn Tàu thời ấy đến buôn bán tại các nơi Nông-nãi Đại-phổ và Sài-gòn, sơn-xuyên-chí mục Biên-hòa trấn, Cụ tích-thạch chép rằng: • Từ xưa tàu buôn đến bên hạ neo xong rồi, thuyền chủ kê biên các hàng hóa trong thuyền cho các nhà hàng hiệu buôn trên đất biệt; các hiệu-buôn ấy sẽ định giá mua cắt tất cả, hàng xấu hàng tốt đều bao mãi hết, không để một món nào ứ đọng; đến ngày trở buồm về Tàu (Hỏi Đường), muốn cần mua món hàng gì, cũng làm sẵn hóa đơn, nhờ chủ hàng phò mãi biện; như thế chủ khách đều tiện lợi, sổ sách phân minh, khách cứ việc đàn hát rong chơi, nước ngọt dùng hàng ngày đầy đủ, khỏi lo, ván thuyền bị hà ăn, chỉ chờ đến nhật ky, sẽ chờ hàng đầy thuyền, hân hoan trở về xứ sở. Từ ngày Tây sơn nổi loạn, quan-quản đại-hội ở Phiên-an-trần, các tàu buôn cũng dời theo dậu bên sông Tân-bình, nay vẫn nơi theo như thế. Chỗ này trên bên không có các hiệu buôn lớn mua cắt hàng, mỗi lúc tàu đến, phải gánh gồng hàng hóa ra các chợ bán lẻ; và nếu muốn mua hàng hóa thô sản, chủ thuyền phải chạy đông chạy tây, tìm mua thăm hỏi, khó nhọc mắt công quá đỗi. Lại có bọn chủ đinh, còn miễn cưỡng bỏ qua, nếu mắt quá nhiều đành phải neo thuyền lưu đông (nguyên-chủ: Các thuyền buôn Tàu ắt phải chờ đến mùa xuân có gió đông bắc, mới thuận buồm xuôi qua Việt-Nam; đến mùa hạ có gió nam lớn lại xuôi trở về. Nếu trè qua mùa thu, gió ngược không trở về được, phải đình lưu trải thu sang đông, gọi là • lưu đông •, cũng gọi là • áp đông •), bốn ba tìm kiếm, khách buôn viễn-phương ngày càng khó vậy. Lại cứ theo lời chép ở mục Phiên-an-trần trong Phong-tục chí: • Chợ Bình-an có tiếng là ở kẻ cấp • (Xem chú • văn số 8). Năm 1822, người anh G. Finlayson hàng hải đến Nam-kỳ được giới Hoá-thương ở đây nhiệt-liệt chiêu-dãi (G. Finlayson, The Mission to Siam and Huế in the Years 1821-2, London, P. 168); năm 1866 phò-xá Hoa-thương ở Sài-gòn đã tăng đến 500 gian phố ngói, đào 2 sông Vạn hà, và đương bắc 5 chiếc cầu (một cầu ở giữa bằng sắt); hai bên bờ • Trung quốc Vạn-hà • (Arroyo chinois) nhà kho và xưởng thuyền liền nhau, giữa phố có một giếng nước, ban đêm thì thấp đèn dầu dừa; năm 1889, tổng số Hoa-kieu là 56.000, trong số có 16.000 ở Chợ-lớn, 7.000 ở Sài-gòn (V. Purcell, T. Chinese in South-east Asia, p. 226).

Còn như Đê-ngạn (Chợ-lớn và Tây-công (Sài-gòn), mọi người đều tưởng nguyên-gốc từ hai tiếng khác nhau. Nhưng kỳ thực hai tiếng ấy đều gốc ở tiếng Sài-gòn mà ra. Xét ra vùng đất Sài-gòn, Chợ-lớn hiện nay, thừa xưa tiếng Cao-miền gọi là Prey-Kor, Sài-côn là tiếng dịch-nghĩa. Sài-gòn (茶欄) tiếng Việt đọc là Sài-côn, tiếng Tàu đọc trại ra Taignon hay Tingan, bèn lấy tiếng Đê-ngạn (堤岸) mà dịch âm; mặt khác Sài-côn cũng đọc lầm thành Sài-gon; đến nay mọi người lấy tiếng Chợ-lớn (Tingon) gọi vùng Hoa-kieu ở, đồng thời lấy tiếng Sài-gòn (Sài-côn) gọi vùng chợ mới mở từ sau khi Sài-gon thuộc Pháp, tức chợ Sài-gon ngày nay.

(27) Thuộc về việc mở Thiên-lý-cù phía Bắc, Thực-lục Tiên-biên (quyển 10) mục tháng 10 năm mậu-thìn Thê-tôn năm thứ 11 (1748) chép rằng: • Bắt đầu đặt đường trạm Gia-dịnh, đất Gia-dịnh phần nhiều bùn lầy, buổi đầu khai thác, đường sá chưa thông, người đi đường rất lầy lăm khô, biên báo cũng bất tiện; vua khiến Nguyễn-hữu-Doãn (tức Nguyễn-phúc Doãn chép trong thông-chí) xem xét địa-thể, giảng dạy làm đường cho thẳng, từ phía bắc Cầu-sơn đến Hưng-phước, tùy từng nơi mà đặt trạm, gọi là Thiên-lý cù; những nơi mà có sông lớn, bắt dân số tại đũa đồ-ngang, miễn trừ các dao-dịch khác.

Một phương-pháp nghiên-cứu ngữ-pháp Việt-Nam

của TRƯƠNG-VĂN-CHÌNH
và NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Sau sáu năm nghiên-cứu và soạn thảo, hai ông Trương-văn-Chình và Nguyễn-Hiền-Lê đã hoàn-thành cuốn Khảo-luận về ngữ-pháp Việt-Nam. Sách còn đợi in. Tác-giả vui lòng cho chúng tôi trích mấy đoạn trong Lời mở đầu để giới-thiệu cùng độc-giá một quan-niệm về ngôn-ngữ và sự áp-dụng quan-niệm đó để nghiên-cứu ngữ-pháp Việt-nam.

L.T.S.

I. — TỪ VĂN-PHÁP HI LA ĐẾN NGŨ-HỌC HIỆN ĐẠI

Đầu cuốn *Language*, Bloomfield đại ý viết rằng : Ngôn ngữ có địa vị rất quan trọng trong đời sống của chúng ta; nhưng có lẽ vì ta quen thuộc với nó quá, cho rằng nói cũng như thở hay đi, là do trời phú bẩm; nên ít khi để ý quan sát, mà ngôn-ngữ-học mãi đến thế kỉ 19 mới thành một môn có cơ sở khoa học, và hiện nay vẫn còn ở trong thời kì ấu trĩ (1).

Nói vậy, không phải là trước thế kỉ 19 tuyệt nhiên không có ai nghiên cứu về ngôn ngữ. Chẳng qua là các nhà ngữ học hiện đại cho rằng tất cả công trình nghiên cứu ngôn ngữ trước thế kỉ 19, không hợp với phương pháp khoa học, vì theo phương pháp khoa học thì phải nhận xét khách quan, nhận xét vô tư những thực thể của ngôn ngữ, tức là âm tố, tiếng lẻ, câu nói (2).

Tại Ấn-độ và Hi-lạp, chữ viết có vào khoảng một nghìn năm trước công nguyên. Sách từ thời ấy để lại, mấy trăm năm sau, vì ngôn ngữ biến đổi mà rất ít người đọc hiểu, nên đến thế kỉ thứ 3 tcn. các nhà bác học

(1) Bloomfield, *Language* (London 1957) trang 3.

(2) Thực thể của ngôn-ngữ = faits linguistiques. — Âm-tô (= phonème) là đơn vị nhỏ nhất thuộc về ngữ-âm.